ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐÃ ĐÁP ỨNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN, KHÔNG HÀM Ý BẢO ĐẢM VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH, KHÔNG HÀM Ý VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CHỨNG QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM HAY ĐƯỢC THANH TOÁN ĐẦY ĐỦ CŨNG NHƯ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ, PHƯƠNG ÁN KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.

NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ NÊN ĐỌC KỸ VÀ HIỂU CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH Ở BẢN CÁO BẠCH, ĐẶC BIỆT LÀ PHẦN CẢNH BÁO RỦI RO Ở TRANG 05 TRONG BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ CHÚ Ý ĐẾN CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ, THUẾ KHI GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ ĐẢM BẢO.

GIÁ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ THỂ THAY ĐỔI TÙY VÀO TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, NHÀ ĐẦU TƯ CÓ THỂ CHỊU THIỆT HẠI VỀ SỐ VỐN ĐẦU TƯ VÀ CÓ THỂ MẤT TOÀN BỘ VỐN ĐẦU TƯ.

CÁC THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ CÁC CHỨNG QUYỀN PHÁT HÀNH TRƯỚC ĐÂY (NẾU CÓ) CHỈ MANG TÍNH CHẤT THAM KHẢO VÀ KHÔNG CÓ Ý NGHĨA LÀ VIỆC ĐẦU TƯ SẼ SINH LỜI CHO NHÀ ĐẦU TƯ.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK ngày 08/10/2024)

Vietcap

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số .250 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .20 /..12/..2024)

CHỨNG QUYỀN HDB/VIETCAP/M/Au/T/A2

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

TỔ CHỨC CHÀO BÁN		
Vietcap	**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**	
	Trụ sở chính	
	Địa chỉ:	Tháp Tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM
	Điện thoại:	+84 (0)28 3914 3588 Fax: +84 (0)28 3914 3209
	Website	www.vietcap.com.vn
	Chi nhánh Hà Nội	
	Địa chỉ:	109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
	Điện thoại:	+84 (0)24 6262 6999 Fax: +84 (0)24 6278 2688

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Đoàn Minh Thiện Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: +84 (0)28 3914 3588 Fax: +84 (0)28 3914 4531

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng ….. năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK ngày 08/10/2024)

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588 Fax: +84 (0)28 3914 3209 Website: www.vietcap.com.vn

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền:	Chứng quyền HDB/VIETCAP/M/Au/T/A2
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HDB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng Việt Nam
Thời hạn:	06 tháng
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 (0)28 3823 0796

NGÂN HÀNG NHẬN KÝ QUỸ TÀI SẢN ĐẢM BẢO THANH TOÁN

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CN NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 (0)28 3821 8812

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH **5**

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO **5**

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền 5
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền 6
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở 7
4. Rủi ro về kinh tế 7
5. Rủi ro về pháp luật 11
6. Rủi ro về thị trường và thị trường ngừng giao dịch 12
7. Rủi ro khác 12

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH **13**

1. Tổ chức phát hành 13
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn 13

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT **14**

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ **19**

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam 19
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư 22

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM **25**

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm 25
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành 46
3. Tình hình tài chính 61

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM **66**

1. Thông tin chung về chứng quyền 66
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở 68
3. Thời gian phân phối chứng quyền 70
4. Đăng ký mua và phân phối chứng quyền 70
5. Thực hiện chứng quyền 71
6. Quyền của người sở hữu chứng quyền 73
7. Điều chỉnh chứng quyền 73
8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền 74
9. Hoạt động tạo lập thị trường 75

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM **76**

1. Quy trình quản trị rủi ro 76

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến 82
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành 84
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN 85
1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán 85
2. Tổ chức kiểm toán 86
IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 87
X. CÁC CHỨNG QUYỀN BẢO ĐẢM MÀ CÔNG TY ĐÃ PHÁT HÀNH VÀ ĐANG NIÊM YẾT 88
XI. CAM KẾT 88
XII. PHỤ LỤC 89

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (CW), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm này.

Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành (TCPH) chứng khoán cơ sở (CKCS): Chúng tôi không đảm bảo về bất cứ sự nghiên cứu, điều tra nào liên quan tới hoạt động của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu (NSH) CW không nên hiểu sự phát hành CW như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới CKCS. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có CKCS hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

1.1 Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành

TCPH luôn có thể mua lại CW trên thị trường và các CW này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. TCPH có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá CW.

1.2 Rủi ro CW bị hủy niêm yết

Trong trường hợp TCPH bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, CW sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro CW bị hủy trước ngày đáo hạn.

1.3 Rủi ro thanh toán

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

1.4 Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành

Người sở hữu CW nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này, và có thể ảnh hưởng đến giá CW. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu CW, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới CW mà chúng tôi cho rằng phù hợp. TCPH cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cẩn trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với

TCPH không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới CW.

1.5 Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi

TCPH tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu CW. TCPH luôn có thể phát hành và niêm yết các CW khác có khả năng ảnh hưởng đến giá CW này.

1.6 Rủi ro bảo mật thông tin

TCPH cam kết cố gắng hết sức để đảm bảo sự bảo mật của thông tin khách hàng, tuy nhiên TCPH không cam kết có thể cung cấp sự bảo mật hoàn toàn đối với các thông tin này.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

2.1 Rủi ro đầu tư chung

Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của CW và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. CW là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào CW không tương đương với một khoản đầu tư vào Tài sản cơ sở (TSCS). Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào CW liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của TSCS, sự thay đổi của CW đối với sự thay đổi giá TSCS có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của CW có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào TSCS.

2.2 Rủi ro do thời gian đáo hạn của CW

Do CW có thời gian đáo hạn nên giá của CW có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ CW đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của CW sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua CW. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào CW, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của CW.

2.3 Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro do sự thay đổi giá của CW. Sự thay đổi giá của CW phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến độ giá CKCS, thời gian còn hiệu lực của CW, lãi suất, cổ tức của CKCS, trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra giá của CW còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về CW. Mặc dù TCPH thường phát hành khối lượng CW theo khối lượng đã đăng ký với UBCK NN, tuy nhiên, TCPH vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng CW thông qua Phương thức phát hành bổ sung CW, miễn là hạn mức phát hành CW đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của UBCK NN. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của CW.

2.4 Rủi ro từ tính đòn bẩy

Đầu tư vào CW chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của CW khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của CKCS trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của CKCS. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của CW trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của CKCS, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào CKCS.

2.5 Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán CW ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với CW đó. Thanh khoản của CW phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của TCPH. Mặc dù TCPH cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường CW, TCPH không cam kết thị trường giao dịch của CW sẽ sôi động.

2.6 Rủi ro của chứng quyền kiểu châu Âu

CW kiểu châu Âu chỉ cho phép thực hiện quyền vào ngày đáo hạn. Do đó, giá của CW có thể được giao dịch bằng với mức giá đã được chiết khấu so với giá hợp lý ở thời điểm đáo hạn.

2.7 Chứng quyền đóng vai trò công cụ phòng ngừa rủi ro

Giá CW có thể thay đổi ngược với kỳ vọng của Nhà đầu tư sở hữu CW, do đó CW không đảm bảo sẽ luôn là một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho Nhà đầu tư sở hữu CW.

2.8 Không có quyền sở hữu tương tự cổ đông

Nhà đầu tư sở hữu CW không có quyền lợi tương tự cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự ĐHĐCĐ, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

2.9 Rủi ro về thuế

Khi nắm giữ chứng quyền qua ngày đáo hạn và thực hiện quyền thì thuế thu nhập cá nhân mà nhà đầu tư phải chịu sẽ cao hơn so với thuế thu nhập cá nhân mà nhà đầu tư đóng khi giao dịch bán chứng quyền trước ngày đáo hạn theo Công văn 1468/BTC-CST (xem chi tiết tại mục V.8).

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện pháp lý xảy ra và phát sinh bao gồm và không giới hạn, phát hành quyền, phát hành cổ phiếu thưởng hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất CKCS hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty, có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của Chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi ko có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của Chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới CKCS. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh nào đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh CW sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là *i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất.* Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

4.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế. Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong những năm gần đây tương đối khả quan với mức tăng lần lượt là 6,21%, 6,81%, 7,08% và 7,02% trong các năm 2016, 2017, 2018 và 2019.

Tuy nhiên, tác động của dịch Covid-19 trên toàn thế giới kéo dài trong hai năm 2020, 2021 đã gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu là thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam từ đó cũng đã chịu ảnh hưởng đáng kể. Cụ thể, theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP năm 2020 tăng 2,91% và 2021 chỉ tăng 2,58% khi dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh.

Sang năm 2022 khi các quốc gia triển khai mạnh mẽ chiến lược tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19 đã giúp giảm nhanh số ca lây nhiễm và tử vong. Điều này đã giúp cho nền kinh tế phục hồi trở lại. Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, GDP của Việt Nam năm 2022 tăng trưởng 8,02% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022.

Xét tổng quát, tăng trưởng GDP trong cả năm 2022 đánh dấu mức tăng trưởng nhanh nhất kể từ năm 1997 và giúp Việt Nam có thể nằm trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực Châu Á. Động lực đến từ hầu hết các khu vực kinh tế chính khi nền kinh tế mở cửa hoàn toàn sau Covid-19, cũng như những yếu tố nền tảng đến từ tiêu dùng nội địa và dòng vốn FDI. Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng ngay cả khi tăng trưởng mạnh mẽ vào năm 2022, nền kinh tế vẫn chưa tiến gần đến mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn trước Covid (6,5%/năm), khi tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2020-2022 là ước tính khoảng 4,5%/năm.

Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2023 tăng 5,05% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng GDP của những năm bùng phát đại dịch COVID-19 (2020-2021) và thấp hơn tốc độ tăng GDP những năm còn lại của giai đoạn 2011-2023. Quy mô GDP của nền kinh tế Việt Nam tính đến cuối năm 2023 ước đạt khoảng 10,22 triệu tỷ đồng. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022.

Hình 1: Tăng trưởng GDP qua các năm giai đoạn 2011 – 9 tháng năm 2024

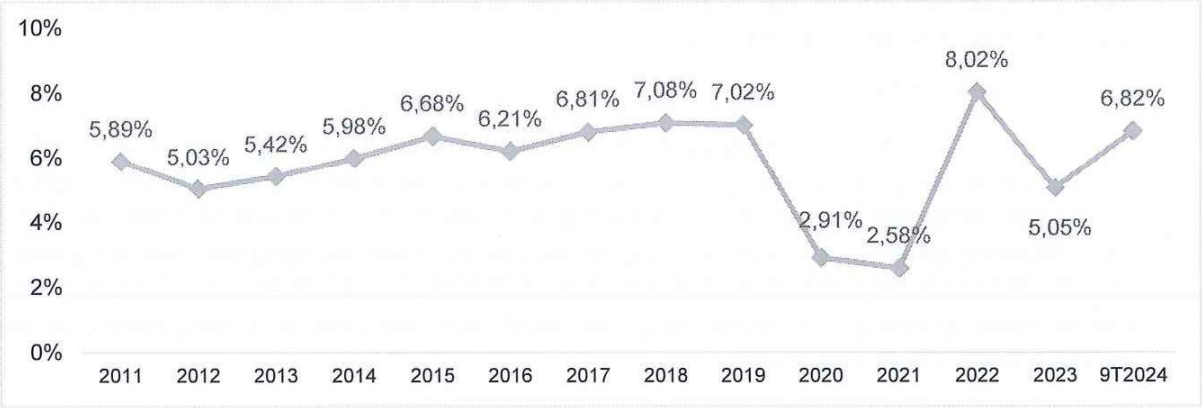

Nguồn: GSO

Năm 2024, Quốc hội đã thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu, với tăng trưởng GDP khoảng 6%-6,5% đồng thời GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.700 - 4.730 USD. Để phấn đấu hoàn thành mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, Chính phủ đã đặt ưu tiên điều hành nền kinh tế vào việc tạo hợp lực và phát huy động lực mạnh mẽ, ưu tiên, thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng gắn với củng cố, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, trong 9 tháng đầu năm 2024, nền kinh tế ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,82% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của 9 tháng đầu năm 2023. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,20%, đóng góp 5,37% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,19%, đóng góp 46,22%; khu vực dịch vụ tăng 6,95%, đóng góp 48,41%. Như vậy, khu vực dịch vụ là điểm sáng của nền kinh tế khi đóng góp chính vào tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm nhờ nhu cầu nội địa tăng và khách quốc tế đến Việt Nam phục hồi mạnh mẽ.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi biến động của nền kinh tế. Trước những tác động khó lường của nền kinh tế, Công ty đã thực hiện xem xét một cách thận trọng trong việc lên chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đồng thời tận dụng lợi ích từ các chính sách ban hành, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra.

4.2 Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Lạm phát tăng cao hoặc siêu lạm phát sẽ khiến giá nguyên vật liệu đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, gây ra sự ổn định giả tạo của quá trình sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp. Ngược lại, nếu lạm phát quá thấp (1,8% năm 2014) kéo dài cộng thêm thâm hụt ngân sách liên tiếp có thể làm cho tăng trưởng kinh tế phục hồi chậm, thậm chí dễ dẫn đến trì trệ, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn rất dễ dẫn tới suy thoái kinh tế.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, CPI năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI có xu hướng giảm dần trong nửa năm đầu và tăng trở lại từ tháng 7 trở đi. Nguyên nhân chủ yếu đến từ chỉ số giá tại các nhóm ngành tăng cao như nhóm Giáo dục tăng 7,44% do một số địa phương tăng học phí năm 2023-2024 theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; chỉ số giá nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,58%, do giá xi măng, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, cùng với đo giá thuê nhà ở tăng cao, chỉ số giá nhóm lương thực tăng 6,85%. Ngoài ra, chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt năm 2023 tăng 4,86% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với sự điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân từ Tập đoàn Điện lực VIệt Nam và chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác cũng tăng 4,65%.

Trong năm 2023, dù chỉ số CPI nhiều nhóm hàng tăng tuy nhiên cũng kiềm chế bởi một số yếu tố khác như chỉ số nhóm xăng dầu trong nước năm 2023 giảm 11,02% bởi biến động của giá thế giới; dầu hỏa giảm 10,02%, chỉ số nhóm gas giảm 6,94% so với năm 2022 và chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,81% so với năm trước do giá điện thoại di động thế hệ cũ giảm đi.

Hình 2: CPI của Việt Nam giai đoạn 2011 – 9 tháng năm 2024

Nguồn: GSO

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 3,88% so với cùng kỳ năm 2023. Các yếu tố tác động làm tăng CPI 9 tháng đầu năm 2024 chủ yếu từ (1) chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 4% so với cùng kỳ năm trước khi giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, thiên tai bão lũ cùng với giá thịt lợn tăng, tác động làm CPI chung tăng 1,34 điểm phần trăm; (2) nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xâu dựng tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1 điểm phần trăm, do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức bán lẻ giá điện bình quân trong năm 2023; (3) nhóm giáo dục tăng 7,51% do trong năm họ 2023-2024 và 2024-2025, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, làm CPI chung tăng 0,46 điểm phần trăm; (4) chỉ số nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,46%, tác động làm CPI chung tăng 0,4 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

4.3 Lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất có ý nghĩa quan trọng tác động tăng trưởng kinh tế mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và khả năng cạnh tranh suy giảm, dẫn đến thua lỗ và thậm chí phá sản. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô.

Sau 2 lần tăng lãi suất trong năm 2022 thì bước sang năm 2023, bước ngoặt chính sách đã xuất hiện trong chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

Trong năm 2023, NHNN liên tục 4 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành, với mức giảm 0,5-2,0%/năm trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao, tạo điều kiện để giảm mặt bằng lãi suất cho vay của thị trường. Cụ thể, từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023, NHNN đã điều

chỉnh giảm 4 lần các mức lãi suất với mức giảm từ 0,5% đến 2%/năm. Chi tiết: (1) Giảm 1,5%/năm lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu, giảm 2%/năm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với tổ chức tín dụng (TCTD); (2) Giảm 0,5% đến 1,25%/năm lãi suất tối đa tiền gửi bằng đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 6 tháng; (3) Giảm 1,5%/năm mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế.

Theo thống kê của NHNN, tăng trưởng tín dụng năm 2023 đạt ở mức 13,5%, tăng 15% so với cuối năm 2022, tổng dư nợ tín dụng của nền kinh tế trong năm 2023 đạt gần 13,6 triệu tỷ đồng, theo đó ước tính 1,3 triệu tỷ đồng đã được bơm ra nền kinh tế. Đây là con số tích cực và là kết quả của (1) yếu tố thời vụ, (2) hoạt động kinh tế liên tục được cải thiện nhờ mặt bằng lãi suất thấp hơn, (3) giải ngân cho vay đối với các dự án công và (4) sự nỗ lực điều chỉnh của Thủ tướng Chính phủ và và ngành ngân hàng trong cả năm vừa qua trong việc áp dụng nhiều chính sách nhằm kích thích tăng trưởng tín dụng, đặc biệt các tháng cuối năm 2023.

Sang quý I/2024, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành sau bốn lần điều chỉnh giảm trong năm 2023 trong bối cảnh lãi suất thế giới vẫn neo cao, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp; tiếp tục khuyến khích TCTD tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ nền kinh tế. Do vậy, lãi suất tiền gửi và cho vay mới của hầu hết các ngân hàng thương mại (NHTM) giảm so với cuối năm 2023. Cụ thể, đến ngày 31/3/2024, lãi suất tiền gửi bình quân của các giao dịch phát sinh mới trong hệ thống các NHTM đạt 3,02%/năm, giảm 0,5% so với cuối tháng 12/2023, kéo theo mức lãi suất cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới đạt 6,5%/năm, giảm 0,5%/năm so với cuối tháng 12/2023.

Hết quý I/2024, tín dụng nền kinh tế tăng 1,34% so với cuối năm 2023. Để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, ngày 07/02/2024, NHNN ban hành Công văn số 1088/NHNN-CSTT chỉ đạo các TCTD đẩy mạnh các giải pháp đã được Thống đốc NHNN đề ra tại Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 15/01/2024 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2024 nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tính tới 17/09/2024, tín dụng toàn nền kinh tế đã tăng 7,83% so với cuối năm 2023. Chủ trương của Quốc hội và Chính phủ là tiếp tục hỗ trợ tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2024. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước đã ban hàng Thông tư số 06/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2023/TT-NHNN về cơ cấu lại thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ. Việc này sẽ góp phần làm mức độ gia tăng nợ xấu nội bảng của tổ chức tín dụng và tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng thực hiện hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng, góp phần hỗ trợ phục hồi nền kinh tế.

Định hướng tín dụng cả năm 2024, Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế, theo đó, ước tính khoảng 2 triệu tỷ đồng sẽ được đưa vào nền kinh tế.

5. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi do phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định

chưa cao, các quy định còn mới đối với doanh nghiệp và có thể phát sinh bất cập. Các sửa đổi, bổ sung được thay đổi khá thường xuyên, ít nhiều có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy, để hạn chế tối đa rủi ro về pháp luật, Công ty luôn chú trọng cập nhật hệ thống pháp luật; nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật; đồng thời phối hợp với phòng Pháp chế triển khai tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật cho cán bộ công nhân viên Công ty.

6. Rủi ro về thị trường và thị trường ngừng giao dịch

Trong trường hợp giao dịch có liên quan kết thúc sớm, sự gián đoạn hay tạm ngừng giao dịch ("Các sự kiện gián đoạn thị trường") hoặc thay đổi luật áp dụng, ngăn ngừa rủi ro gián đoạn, tăng chi phí ngăn ngừa rủi ro, sự phá sản của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở hoặc một sự kiện tiền tệ ("Sự kiện gián đoạn bổ sung"), trì hoãn hoặc điều chỉnh định giá trong trường hợp xảy ra sự kiện gián đoạn thị trường hoặc điều chỉnh kỳ hạn (nếu có sự đồng ý với chủ sở hữu chứng quyền) hoặc chấm dứt chứng quyền trong trường hợp sự kiện gián đoạn bổ sung đối với các chứng quyền đó có thể có ảnh hưởng bất lợi đến giá trị của chứng quyền đó và/hoặc số tiền mua lại cuối cùng.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- Bà: Nguyễn Thanh Phượng — Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông: Tô Hải — Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông: Đoàn Trần Phương Thảo — Chức vụ: Kế toán trưởng
- Bà: Mai Thị Thanh Trang — Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để đảm bảo đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại SGDCK.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn

Không có

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Các khái niệm:

- **Chứng quyền có bảo đảm** (sau đây gọi tắt là chứng quyền, hoặc là CW) là hợp đồng giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng quyền được định nghĩa theo khoản 6 Điều 4 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019.
- **Chứng khoán cơ sở** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền** (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành) là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Chứng quyền kiểu châu Âu** là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- **Giá thực hiện** là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua (đối với chứng quyền mua) được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi** là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.
- **Ngày đáo hạn** là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.
- **Chứng quyền đang lưu hành** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.
- **Chứng quyền có lãi (ITM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền lỗ (OTM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.
- **Vị thế mở** chứng quyền của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết** là vị thế được tính toán căn cứ trên phương án phòng ngừa rủi ro đã được tổ chức phát hành nêu trong Bản cáo bạch.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế** là vị thế được tính toán căn cứ trên vị thế thực tế có trong tài khoản phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.

- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch gần nhất, không bao gồm ngày đáo hạn.
- **Delta** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở.

  Công thức:

  Delta = (Mức độ thay đổi giá chứng quyền) / (Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở)

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

▪ Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán
▪ Cổ phiếu	Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ Công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
▪ Điều lệ	Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap thông qua
▪ Luật Chứng Khoán	Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
▪ Luật Doanh Nghiệp	Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
▪ Người có liên quan	Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty; Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty; Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp; Người quản lý doanh nghiệp; Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia; Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát; Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

	Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thâu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
▪ Room nước ngoài	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài
▪ Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ VIETCAP	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ Vốn điều lệ	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ BKS	Ban Kiểm soát
▪ CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (Compound Annual Growth Rate)
▪ CKCS	Chứng khoán cơ sở
▪ CNTT / IT	Công nghệ thông tin
▪ CP	Cổ phần
▪ CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
▪ CPLH	Cổ phiếu lưu hành
▪ Chỉ số P/E	Price/ Earnings: là chỉ số giá trị thị trường trên thu nhập của mỗi cổ phiếu
▪ Chỉ số P/B	Price to Book: là tỷ lệ được sử dụng để so sánh giá của một cổ phiếu so với giá trị ghi sổ của cổ phiếu đó
▪ CW	Covered Warrants
▪ DMA	Truy nhập thị trường trực tiếp (Direct Market Access)
▪ DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
▪ DTT	Doanh thu thuần
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
▪ EPS	Earnings Per Share: là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu EPS = (Lợi nhuận ròng – Cổ tức cổ phiếu ưu đãi) / Lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông
▪ FED	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ

▪ FDI	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Foreign Direct Investment)
▪ FIX	Chuẩn kết nối FIX (Financial Information eXchange)
▪ GCN/ Giấy CN	Giấy chứng nhận
▪ GDP	Tổng thu nhập quốc nội
▪ GSO	Tổng Cục thống kê
▪ GTGT	Thuế giá trị gia tăng
▪ GTSS	Giá trị sổ sách
▪ HĐ	Hợp đồng
▪ HĐQT	Hội đồng Quản trị
▪ HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
▪ HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪ IB	Ngân hàng đầu tư (Investment Banking)
▪ IPO	Chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng
▪ ISB	Môi giới khách hàng tổ chức (Institutional Sales Brokerage)
▪ KTT	Kế toán trưởng
▪ LB	Môi giới trong nước (Local Brokerage)
▪ LN	Lợi nhuận
▪ LNST	Lợi nhuận sau thuế
▪ LNTT	Lợi nhuận trước thuế
▪ M&A	Mua bán & Sáp nhập (Merger & Acquisition)
▪ NHNN	Ngân hàng nhà nước
▪ NSH	Người sở hữu
▪ OTC	Thị trường phi tập trung (Over the counter)
▪ ROA	Hệ số LNST / Tổng tài sản bình quân
▪ ROE	Tỷ lệ LNST / Vốn chủ sở hữu bình quân
▪ STP	Cổng giao dịch trực tuyến (Straight-through Processing)
▪ TCPH	Tổ chức phát hành
▪ TCTD	Tổ chức tín dụng
▪ TNCN	(thuế) Thu nhập cá nhân

▪ TNDN	(thuế) Thu nhập doanh nghiệp
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ TPP	Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (Trans Pacific Partnership)
▪ TSCĐ	Tài sản cố định
▪ TSCS	Tài sản cơ sở
▪ TTCK	Thị trường chứng khoán
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ USD	Đô la Mỹ (U.S.Dollar)
▪ VCAM	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
▪ VĐL	Vốn điều lệ
▪ Vốn CSH	Vốn chủ sở hữu
▪ VND	Đồng Việt Nam
▪ VSDC	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

- GDP: Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 10,221 triệu tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. Với kết quả này, quy mô kinh tế của Việt Nam trong năm 2023 xếp thứ 34 theo bảng xếp hạng của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh (CEBR) có trụ sở tại London (Anh). Kết quả được đóng góp bởi những nỗ lực mở rộng tài khóa và tiền tệ của Chính phủ, miễn giảm thuế, điển hình là giảm thuế GTGT đối với hàng thiết yếu trong năm 2023, giúp nền kinh tế Việt Nam phục hồi. Tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2023 đạt 5,05%, thấp hơn mục tiêu 6,5% nhưng vẫn cao hơn nhiều nước trong khu vực và thế giới.

  Theo đó, CEBR dự báo, quy mô Việt Nam dự kiến ở vị trí 33 trên Bảng xếp hạng liên minh kinh tế thế giới (World Economic League Table – WELT), tăng 1 bậc so với báo cáo năm 2023, với quy mô GDP theo giá hiện hành đạt 462 tỷ USD. Đáng chú ý, báo cáo của CEBR đánh giá, thứ hạng quy mô kinh tế của Việt Nam có thể tăng nhanh trong tương lai. Cụ thể, Việt Nam sẽ vươn lên vị trí 24 vào năm 2033, với quy mô kinh tế đạt 1.050 tỷ USD. Theo CEBR, với ưu thế dân số đông và trẻ, Việt Nam có cơ hội vượt qua gần hết các nước trong ASEAN về kinh tế như Singapore, Thái Lan hay Malaysia, và trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045.

  Sang đến năm 2024, theo Tổng cục Thống kê, GDP quý III/2023 ước tính tăng 7,40% so với cùng kỳ năm trước, thể hiện rõ xu hướng phục hồi của nền kinh tế.

- Lạm phát: Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, CPI bình quân năm 2023 ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Kết quả này nhờ vào trong năm nhiều giải pháp được triển khai như giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, triển khai các gói tín dụng hỗ trợ ngành, giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/7/2023; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; gia hạn visa cho khách du lịch; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được bảo đảm. Ngoài ra, giá một số mặt hàng giảm theo giá thế giới cũng đã góp phần giúp giảm áp lực lạm phát như giá xăng dầu bình quân năm 2023 giảm 11,02% so với năm 2022, giá gas giảm 6,94%. Vì vậy, năm 2023 Việt Nam đã thành công trong kiểm soát lạm phát.

  CPI vào năm 2024 có thể có áp lực từ (1) giá nông sản tăng cao do lệnh cấm xuất khẩu và ảnh hưởng tiêu cực của hiện tượng El Nino, (2) cải cách tiền lương khu vực công (bắt đầu từ 01/07/2024) và khả năng tăng lương tối thiểu khu vực tư nhân (+0,6% bắt đầu từ ngày 01/07/2024); (3) Chính phủ có thể tiếp tục tăng giá một số hàng hóa/ dịch vụ thuộc phạm vi quản lý bao gồm dịch vụ y tế, học phí và giá điện.

  Dự báo cho năm 2024, Quỹ Tiền tệ quốc tế kì vọng Việt Nam tiếp tục kiểm soát thành công lạm phát với mức 3,43%, và các tổ chức quốc tế khác cũng tin tưởng lạm phát Việt Nam trong mức 3,3% - 4%. Mức ổn định này được dựa vào hiệu quả công tác điều hành kinh tế vĩ mô để kiểm soát lạm phát đã được cải thiện đáng kể của Việt Nam trong năm vừa rồi.

  Theo Tổng cục Thống kê, tính chung quý III năm 2024, CPI tăng 3,48% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng đầu năm, CPI tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước.

- FDI: Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến ngày 20/12/2023, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt khoảng 36,61 tỷ USD, tăng 32,1% so với cùng kỳ, xếp thứ ba về số vốn đăng ký đầu tư giai đoạn 2008 – 2023. Về giải ngân, tính tới ngày 20/12/2023, ước tính các dự án đầu tư nước ngoài đã giải ngân được khoảng 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2022, tăng nhẹ 0,6 điểm phần trăm so với 11 tháng năm 2023. Năm 2023, trong bối cảnh khó khăn chung của thế giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài của Việt Nam được đánh giá là một điểm sáng. Theo Tổng cục Thống kê, đây là năm quy mô vốn FDI thực hiện cao nhất từ trước đến nay, cũng là mức tăng cao nhất từ khi COVID-19 xuất hiện. Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân.

  Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 23,5 tỷ USD, chiếm 64,2% tổng vốn đầu tư đăng ký và tăng 39,9% so với cùng kỳ. Trong năm, các tên tuổi lớn trên thế giới về lĩnh vực công nghiệp bán dẫn liên tiếp rót vốn vào Việt Nam. Việt Nam đang ở vị trí thuận lợi để hưởng lợi từ những làn sóng đầu tư mới của các công ty chip đang nỗ lực xây dựng chuỗi cung ứng mạnh hơn. Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư gần 4,67 tỷ USD, chiếm hơn 12,7% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 4,8% so với cùng kỳ. Các ngành sản xuất, phân phối điện; tài chính - ngân hàng xếp thứ 3 và 4 với tổng vốn đăng ký đạt lần lượt hơn 2,37 tỷ USD (tăng 4,9%) và gần 1,56 tỷ USD (gấp gần 27 lần). Còn lại là các ngành khác.

  Vốn FDI giải ngân được kỳ vọng tích cực trong giai đoạn 2024-2026, nhờ vào (1) lượng lớn vốn FDI đăng ký được ghi nhận vào năm 2023, (2) các công ty đa quốc gia đang tiếp tục đa dạng hóa đầu tư ra khỏi Trung Quốc, (3) những lợi thế cơ bản của Việt Nam về vị trí thuận lợi, chi phí lao động cạnh tranh và danh sách dài các hiệp đinh FTA, và (4) việc nâng cấp quan hệ ngoại giao gần đây giữa Việt Nam với Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Nhật Bản, có thể tiếp tục thúc đẩy dòng vốn FDI vào Việt Nam.

  Tính tới 30/09/2024, theo số liệu của Cục Đầu tư Nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 24,78 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2023. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt khoảng 314,5 tỷ USD, bằng 64% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực. Các nhà ĐTNN đã đầu tư vào 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với gần 298,7 tỷ USD (chiếm 60,7% tổng vốn đầu tư). Tiếp theo là các ngành kinh doanh bất động sản với gần 71,5 tỷ USD (chiếm 14,5% tổng vốn đầu tư); ngành sản xuất, phân phối điện với gần 47,7 tỷ USD (chiếm 8,5% tổng vốn đầu tư). Đến nay, hiện có 148 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam. Trong đó, đứng đầu là Hàn Quốc với tổng vốn đăng ký hơn gần 88,3 tỷ USD (chiếm 18% tổng vốn đầu tư), Singapore đứng thứ hai với gần 81,1 tỷ USD (chiếm 16,5% tổng vốn đầu tư). Tiếp theo lần lượt là Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông.

- Thương mại: Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu 28 tỷ USD. Xuất siêu góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, đồng thời hỗ trợ lớn cho cán cân thanh toán quốc tế.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, tổng cầu thế giới sụt giảm, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam mặc dù chưa đạt được mức tăng trở lại so với năm trước, nhưng mức suy giảm đã được thu hẹp đáng kể. Hoạt động xuất – nhập khẩu hàng hóa năm 2023 của Việt Nam mặc dù chưa phục hồi mạnh, nhưng mức suy giảm cũng đã được thu hẹp sẽ là tiền đề hướng đến sự khởi sắc trong năm 2024.

Trong năm 2024, tăng trưởng xuất khẩu và nhập khẩu được dự báo xuống lần lượt 9,5% và 11,5%, từ mức 10,3% và 12,6% trước đó, (tương ứng với thặng dư thương mại đạt 24,3 tỷ USD), do lượng đơn hàng xuất khẩu phục hồi chậm hơn dự kiến. Kim ngạch xuất khẩu được kỳ vọng phục hồi dần trong nửa đầu năm 2024 trước khi tăng mạnh hơn vào nửa cuối năm.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 578,47 tỷ USD, tăng 16,3% so cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 15,4%; nhập khẩu tăng 17,3%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,79 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 299,63 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước. Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước đạt 3,29 tỷ USD, chiếm 1,1%; nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 263,47 tỷ USD, chiếm 87,9%; nhóm hàng nông sản, lâm sản ước đạt 25,64 tỷ USD, chiếm 8,6%; nhóm hàng thủy sản ước đạt 7,23 tỷ USD, chiếm 2,4%. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 278,84 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 261,5 tỷ USD, chiếm 93,8%, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 47,3%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 46,5%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng ước đạt 17,34 tỷ USD, chiếm 6,2%. Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 17,4 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó dịch vụ du lịch đạt 8,8 tỷ USD (chiếm 50,6% tổng kim ngạch), tăng 33,4% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ vận tải đạt 4,9 tỷ USD (chiếm 28,1%), tăng 7,9%.

- Tỷ giá: Năm 2023, tỷ giá tiền đồng chịu áp lực lớn từ sự tăng giá của đồng USD trên thị trường quốc tế, tuy nhiên so với các đồng tiền khác trên thế giới thì VND là một trong những đồng tiền ổn định trong khu vực và trên thế giới, mất giá khoảng 2,9%. Chênh lệch lãi suất USD/VND trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất huy động USD trong nước và nước ngoài khiến nhà điều hành đứng trước thế khó trong điều hành tỷ giá. Tuy nhiên, 2023 được đánh giá là một năm điều hành thành công của NHNN, khi mức giảm giá của VND so với USD được duy trì ở ngưỡng hợp lý, khoảng 3%, thị trường ngoại hối hoạt động liên tục và không xảy ra hiện tượng thiếu hụt nguồn cung. Tỷ giá trung tâm được điều hành linh hoạt, phù hợp, đồng bộ với các công cụ chính sách tiền tệ để ổn định thị trường ngoại tệ, góp phần kiểm soát lạm phát. Theo thống kê của NHNN, tính đến cuối năm 2023, tỷ giá trung tâm ở mức 23.866 VND/USD, tăng gần 1,1% so với cuối năm 2022; tỷ giá niêm yết, giao dịch trên thị trường tăng khoảng 2,9%.

  Trong năm 2024, tỷ giá USD/VND đang được kỳ vọng giảm dần và trở nên ổn định, sẽ duy trì ở mức thấp nhờ vào việc chu kỳ thắt chặt của Fed đã đạt đỉnh, điều này có thể giúp thu hẹp chênh lệch âm giữa lãi suất ngắn hạn VND và USD, đồng thời giảm bớt áp lực trượt giá của VND so với USD. Ngoài ra, dòng vốn nước ngoài được kỳ vọng ổn định từ kiều hối, FDI, thặng dư thương mại và thu hẹp thâm hụt dịch vụ sẽ giúp hỗ trợ sự ổn định của tỷ giá USD/VND.

  Theo thống kê của NHNN, 9 tháng đầu năm 2024, thặng dư thương mại 9 tháng 2024 tích cực, đạt xấp xỉ 20,8 tỷ USD, dòng vốn FDI đạt 17,3 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ và du lịch phục hồi mạnh mẽ, tăng 43% so với cùng kỳ 2023. Tính tới 9 tháng đầu năm, VND chỉ mất giá 0,9% so với USD.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

2.1 Triển vọng của thị trường chứng khoán Việt Nam

- Tổng kết cả năm 2023, thị trường chứng khoán vẫn mang về thành quả tích cực, VN-Index tăng 12,2%, chốt ở mức 1.129,93 điểm. Giá trị vốn hóa toàn thị trường lên đến gần 5,9 triệu tỷ đồng (~245 tỷ USD). Thị trường trải qua giai đoạn tích lũy đi ngang từ đầu năm cho tới đầu Q1/2023 và chứng kiến sự phục hồi khá tốt cho đến đầu Q3/2023. Sự phục hồi này đến từ các giải pháp từ cơ quan chức năng để giải quyết các điểm nghẽn trong nền kinh tế, cùng với một chính sách tiền tệ nới lỏng hơn, các nỗ lực tháo gỡ khó khăn của thị trường trái phiếu và bất động sản. Dòng tiền cá nhân quay trở lại mạnh mẽ từ tháng 4/2023, vực dậy thanh khoản thị trường nhờ chính sách nới lỏng của Ngân hàng nhà nước và lãi suất huy động giảm mạnh. Tuy nhiên, giai đoạn này cũng chứng kiến hoạt động bán ròng của khối ngoại gia tăng do chịu ảnh hưởng bởi rủi ro tỷ giá khi chênh lệch lãi suất giữa USD và VND ngày càng cao, cùng với triển vọng tăng trưởng lợi nhuận chưa thật sự hấp dẫn. Nhìn chung, thị trường bắt đầu có khởi sắc từ đầu tháng 5/2023.
- Từ tháng 6 tới tháng 9/2023, nỗ lực của các cơ quan chức năng ngay trong những tháng đầu năm đã bắt đầu tác động tích cực lên diễn biến thị trường. Ngân hàng Nhà nước có những động thái nhằm nới lỏng thanh khoản hệ thống, kết hợp các giải pháp chính sách từ Chính phủ, tạo điều kiện cho các điểm nghẽn trong nền kinh tế có thêm thời gian để tháo gỡ. Ngoài ra, Fed cũng giảm mức độ và tần suất lãi suất, đặc biệt Feb cũng ngừng tăng lãi suất lần đầu tiên vào tháng 6 sau một loạt đợt điều chỉnh mạnh để kiềm chế lạm phát. Điều này đã kích thích dòng tiền quay trở lại. Trong đó, dòng tiền từ nhà đầu tư cá nhân đóng vai trò dẫn dắt, góp phần thúc đẩy giá thị trường và đưa thanh khoản trở lại tiệm cận mức đỉnh lịch sử. VN-Index đi lên mạnh mẽ và đạt đỉnh vào giữa tháng 9 với sự sôi động của các phiên giao dịch khớp lệnh tỷ USD.
- Tuy nhiên, cuối tháng 9 năm 2023, với nhiều yếu tố bao gồm đà giảm lãi suất thấp, áp lực tỷ giá tiếp tục nổi lên khi Fed tiếp tục tăng lãi suất khiến Ngân hàng nhà nước có lúc phải hút tiền thông qua phát hành tín phiếu để ổn định tình hình, rủi ro địa chính trị đối với cuộc chiến tranh Hamas-Israel đã kích hoạt tâm lý quan ngại rủi ro, cùng với áp lực chốt lời, đã góp phần khiến thị trường điều chỉnh đáng kể. Vào cuối tháng 9 tới tháng 10, thanh khoản sụt giảm mạnh và VN-Index có thời điểm đã đánh mất thành quả tăng giá từ đầu năm khi lùi về sát mốc 1,000 điểm hồi cuối tháng 10/2023.
- Sang 2 tháng cuối năm 2023, nhận thấy những rủi ro chưa thực sự đáng quan ngại như đánh giá trước đó, căng thẳng giữa Israel và Hamas không leo thang hơn nữa. Ngoài ra, xu hướng lạm phát hạ nhiệt tại các nước phương Tây đang tiến gần đến mục tiêu lạm phát dài hạn của họ, đã củng cố niềm tin rằng FED và ECB có thể giảm lãi suất sớm hơn trong năm 2024. Sự thay đổi này đã kích thích tâm lý tích cực trên thị trường chứng khoán toàn cầu và củng cố sự phục hồi của thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Tính chung trong nửa đầu năm 2024, VN-Index chốt lại ở mức 1.245,32 điểm tại phiên giao dịch 28/06, tăng 10,2%, vượt trội so với các thị trường trong khu vực như PCOMP của Philippines (0,6%), JCI của Indonesia (-2,9%) và SET của Thái Lan (-8,1%).
- Năm 2024, ngành chứng khoán dự kiến sẽ hưởng lợi từ thanh khoản gia tăng nhờ các biện pháp nâng hạng thị trường, hệ thống giao dịch KRX (hệ thống công nghệ thông tin quản lý và điều hành giao dịch trên TTCK Việt Nam) triển khai trong năm.

- VN-Index được kỳ vọng tiếp tục đà tăng với các yếu tố hỗ trợ tích cực nhờ vào lợi nhuận và tâm lý thị trường có thể được hỗ trợ bởi số liệu kinh tế vĩ mô tích cực trong quý 2, xuất khẩu và sản xuất tiếp tục phục hồi do số lựng đơn hàng mới tăng mạnh và việc thực hiện các chính sách mới từ ngày 01/07 như (1) tăng lương khu vực công, (2) gia hạn giảm 2% thuế GTGT, và (3) giảm 10%-50% đối với 36 loại thuế và phí khác. Tại thời điểm cuối tháng 6, P/E trượt của VN-Index là 15,4 lần so với PCOMP của Philippines là 11,8 lần, SET của Thái Lan là 15,6 lần và JCI của Indonesia là 16,9 lần.

2.2 Cơ hội đầu tư ở Việt Nam

- Lần đầu tiên sau 2 năm tăng lãi suất, trong cuộc họp T12/2023, Fed đã phát tín hiệu sẽ giảm lãi suất trong năm 2024. Fed dự kiến cắt giảm lãi suất chậm và chắc trong bối cảnh lạm phát tiếp tục xu hướng giảm dần. Điều này củng cố sự ổn định không chỉ của môi trường vĩ mô thế giới mà còn giảm áp lực điều hành tỷ giá của Việt Nam, và rộng hơn là chính sách tiền tệ.
- Với bối cảnh trên, lãi suất điều hành của Việt Nam sẽ bước vào một chu kỳ ổn định kéo dài nhằm tạo môi trường thuận lợi cho kích thích tăng trưởng kinh tế. Việc kỳ vọng Ngân hàng Nhà nước giữ nguyên quan điểm điều hành chính sách tiền tệ năm 2024 đồng nghĩa với mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp một cách ổn định.
- Trong năm 2024, thị trường chứng khoán kỳ vọng các hệ thống và cơ chế giao dịch chứng khoán đáp ứng các tiêu chí cho việc nâng hạng thị trường sẽ được đưa vào vận hành.
- Năm 2024, các nhóm ngành có đóng góp lớn vào vốn hóa thị trường được kỳ vọng đến từ: Ngân hàng, Tiêu dùng thiết yếu, Nguyên vật liệu cơ bản và Bất động sản Khu công nghiệp.
- Ngành ngân hàng có diễn biến vượt trội trong năm 2023 khi giá cổ phiếu phục hồi vào cuối năm 2022 khi lo ngại về rủi ro hệ thống giảm bớt. Theo đó, năm 2022 và 2023, các vấn đề liên quan đến bất động sản và thị trường trái phiếu doanh nghiệp được giải tỏa để bảo vệ hệ thống ngân hàng. Mặc dù chất lượng tài sản vẫn gặp nhiều thách thức sau đại dịch COVID-19 và sự suy giảm gần đây trong các ngành xuất khẩu và bất động sản nhà ở, các ngân hàng sẽ có thể giải quyết nợ xấu mà không khiến lợi nhuận sụt giảm đáng kể. Điều này được hỗ trợ bởi lãi suất thấp, các quy định mới ban hành năm 2023 về cơ chế "gia hạn" cho các ngân hàng giải quyết nợ xấu, và kỳ vọng về việc GDP sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2024/2025. Trong khi đó, định giá các ngân hàng tư nhân được đánh giá vẫn hấp dẫn so với triển vọng tăng trưởng lợi nhuận và ROE.
- Ngành tiêu dùng được quan tâm bởi đây là một trong những ngành có thể đem lại lợi nhuận bền vững cho các nhà đầu tư do mức độ thâm nhập tiêu thụ chung của Việt Nam còn đang ở mức thấp. Được hỗ trợ bởi thu nhập ngày càng tăng và sự lạc quan về tài chính trong tương lai, người tiêu dùng Việt Nam đang đẩy nhanh chi tiêu cho các mặt hàng cũng như mua các sản phẩm cao cấp hơn. Nghị quyết được Chính phủ công bố cũng đã đưa ra nhiệm vụ năm 2024 phấn đấu tăng trưởng GDP đạt 6% - 6,5%, cao hơn mức GDP bình quân dài hạn 0,5 điểm phần trăm. GDP bình quân đầu người đạt 4.700 - 4.730 USD. Một số điểm hỗ trợ cho kỳ vọng này bao gồm chính sách tài khóa song hành cùng chính sách tiền tệ để hỗ trợ phục hồi kinh tế. Nhờ vậy, hoạt động đầu tư và sản xuất bắt đầu tăng trưởng, niềm tin tiêu dùng hồi phục và tiêu dùng cải thiện. Mặt bằng lãi suất thấp tạo điều kiện cho nhu cầu bất động sản nhà ở phục hồi chậm ở những phân khúc có nhu cầu thực.

- Ngành vật liệu xây dựng triển vọng khởi sắc vào những nỗ lực thúc đẩy đầu tư công. Từ cuối năm 2023 đến đầu năm 2024, Chính phủ đã và đang quyết liệt chỉ đạo thúc đẩy đầu tư công. Nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm được triển khai, cùng việc thông qua quy hoạch nhiều dự án hạ tầng công nghiệp, đô thị. Xét về quy mô và tăng trưởng, kết quả giải ngân vốn năm 2023 là tích cực với điểm sáng trong giải ngân vốn từ Ngân sách Trung ương (NSTW) năm 2023 là lĩnh vực giao thông và quốc phòng.. Bên cạnh đó, việc Quốc hội chính thức thông qua các dự thảo luật sửa đổi, bổ sung liên quan đến bất động sản như Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đầu tư trong năm 2023 cùng với những nghị quyết, nghị định, thông tư... tháo gỡ khó khăn, sẽ có tác động tích cực đến khả năng phục hồi và tăng trưởng đối với vật liệu xây dựng.
- Ngành bất động sản khu công nghiệp ("BĐS KCN") được dự đoán cũng được hưởng lợi. Về dài hạn, kỳ vọng vào sự dịch chuyển mang tính chất cấu trúc của dòng vốn FDI từ các đối tác đã ký FTA với Việt Nam trong 3 năm qua khi nền kinh tế quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng. Ngoài ra, công nghiệp hóa vẫn là ưu tiên hàng đầu của Việt Nam để phát triển đất nước, lĩnh vực BĐS KCN sẽ phát triển để thích ứng với nhu cầu đầu tư sản xuất công nghiệp của nền kinh tế Việt Nam. Cụ thể, hạ tầng càng được đồng bộ và toàn diện là một điểm đáng chú ý, làm tăng giá trị cho các dự án công nghiệp ở khu vực Bắc Bộ, cùng với đó thị trường miền Nam vẫn còn dư địa để xây dựng các khu công nghiệp với tổng diện tích còn lại khoảng 5.142 ha cho đến năm 2025.

2.3 Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

- Thể hiện sự tin tưởng cao hơn đối với cổ phiếu bằng cách sử dụng chứng quyền để nâng tỷ lệ đòn bẩy.
- Hạn chế tối đa tổn thất bằng cách sử dụng chứng quyền mua.
- Tổn thất được giới hạn ở mức giá của chứng quyền.
- Là công cụ nợ, chúng có thể được sử dụng trong danh mục đầu tư trái phiếu để có được rủi ro và lợi tức giống chứng khoán.
- Chứng quyền có đảm bảo, nếu được sử dụng một cách thận trọng, có thể quản lý rủi ro tốt hơn so với giao dịch ký quỹ.
- Chứng quyền giúp chuyển giao trách nhiệm quản lý rủi ro cơ bản, delta, và biến động một cách hiệu quả đối với người phát hành chứng quyền.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**
- Tên Tiếng Anh: **VIETCAP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **Vietcap**
- Trụ sở: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588
- Fax: +84 (0)28 3914 3209
- Website: www.vietcap.com.vn
- Giấy phép thành lập: Giấy phép thành lập số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK ngày 08/10/2024
- Vốn điều lệ đăng ký: 5.744.694.800.000 đồng (Năm nghìn bảy trăm bốn mươi tư tỷ sáu trăm chín mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 5.744.694.800.000 đồng (Năm nghìn bảy trăm bốn mươi tư tỷ sáu trăm chín mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng)
- Logo: Vietcap
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hải, Tổng Giám đốc
- Số tài khoản 119.010.4696 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán
  Tự doanh chứng khoán
  Tư vấn đầu tư chứng khoán
  Bảo lãnh phát hành chứng khoán
  Lưu ký chứng khoán

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Năm 2007	▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap) được thành lập và chính thức hoạt động vào tháng 11/2007 với mức vốn điều lệ ban đầu là 360 tỷ đồng

Năm 2008	▪ Thành lập chi nhánh tại Hà Nội
Năm 2009	▪ Vietcap được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) quyết định chấp thuận là thành viên đấu thầu trái phiếu ▪ Chính thức đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm lõi chứng khoán Tong Yang (nay là Lotte HPT Vietnam) ▪ Tăng vốn điều lệ từ 360 tỷ đồng lên 378 tỷ đồng theo giấy phép số 276/UBCK-GP do UBCK Nhà nước cấp tháng 11/2009
Năm 2010	▪ Thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất 6 tháng cuối năm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) ▪ Thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất Quý 3 tại HNX ▪ Thành lập phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ
Năm 2011	▪ Vươn lên nhóm 6 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất HSX ▪ Tạp chí Finance Asia vinh danh "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí The Asset bình chọn "Công ty môi giới tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southest Asia vinh danh "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất", "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất" tại Việt Nam ▪ UBND Tp.HCM trao tặng giải thưởng "Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu năm 2011"
Năm 2012	▪ Thuộc nhóm 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX ▪ Tạp chí Finance Asia bình chọn là "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia công nhận, "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất", "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" và "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất", là công ty duy nhất nhận đồng thời 3 giải thưởng trên tại Việt Nam ▪ Tăng vốn điều lệ lên 398,4 tỷ đồng theo giấy phép số 122/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp
Năm 2013	▪ Chuyển dịch cân bằng, hoàn thiện các mảng hoạt động kinh doanh ▪ Vươn lên vị trí 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX ▪ Tạp chí Finance Asia vinh danh "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" và "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" tại Việt Nam

	▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia công nhận "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất", "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất", "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam" ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009-2013"
Năm 2014	▪ Đột phá trong kết quả hoạt động, với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) vượt ngưỡng mục tiêu 25% ▪ Thuộc Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất HSX ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia vinh danh "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam" ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2003-2014" ▪ Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng theo giấy phép số 20/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2014
Năm 2015	▪ Củng cố nguồn lực, duy trì sức mạnh nội tại với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt trên 30% ▪ Tạp chí Euromoney bình chọn "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Finance Asia vinh danh "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn "Công ty tư vấn tài chính quy mô vừa tốt nhất Việt Nam" ▪ HNX bình chọn là "Một trong ba công ty chứng khoán có dịch vụ tư vấn tốt nhất giai đoạn 2005-2015" ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2014-2015" ▪ Giữ vững vị thế Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX
Năm 2016	▪ Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2011-2016 ▪ Tạp chí Finance Asia bình chọn "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia trao giải "Nhà huy động vốn tốt nhất Việt Nam giai đoạn 2007-2016". ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất Việt Nam". ▪ Tăng vốn điều lệ lên 1.032 tỷ đồng theo giấy phép số 47/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 12/2016.

Năm 2017	▪ Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn. ▪ Tạp chí Finance Asia bình chọn "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất Việt Nam, "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia trao giải "Ngân hàng đầu tư và tư vấn sáp nhập tốt nhất Việt Nam". ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất Việt Nam" ▪ Tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng theo giấy phép số 35/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 8/2017.
Năm 2018	▪ Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn. ▪ Tạp chí Finance Asia bình chọn "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam". ▪ Tăng vốn điều lệ lên 1.629 tỷ đồng theo giấy phép số 76/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2018.
Năm 2019	▪ Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn ▪ Tăng vốn điều lệ lên 1.644 tỷ đồng theo giấy phép số 53/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2019.
Năm 2020	▪ Top 5 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các hoạt động huy động vốn, M&A xuyên quốc gia bị ngưng trệ, dẫn tới việc quy mô cũng như giá trị của các giao dịch giảm nhiều so với năm 2019. Tuy nhiên, Vietcap vẫn thành công trong việc tư vấn hàng loạt các thương vụ trong nước. ▪ Tăng vốn điều lệ lên 1.656 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 10/2020.
Năm 2021	▪ Top 5 thị phần môi giới. ▪ Tăng vốn điều lệ lên 3.330 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào ngày 12/07/2021.
Năm 2022	▪ Tăng vốn điều lệ lên 3.350 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 01/07/2022 ▪ Tăng vốn điều lệ lên 4.354,99 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 26/09/2022
Năm 2023	▪ CTCP Chứng khoán Bản Việt chính thức đổi tên thành CTCP Chứng khoán Vietcap ("Vietcap") theo giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 12/04/2023. ▪ Tăng vốn điều lệ lên 4.375 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 17/07/2023.

Năm 2024	▪ Tăng vốn điều lệ lên 4.419 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 15/07/2024. ▪ Tăng vốn điều lệ lên 5.745 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 08/10/2024.

1.3 Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty được trình bày trong sơ đồ dưới đây:

Hình 3: Sơ đồ tổ chức Công ty

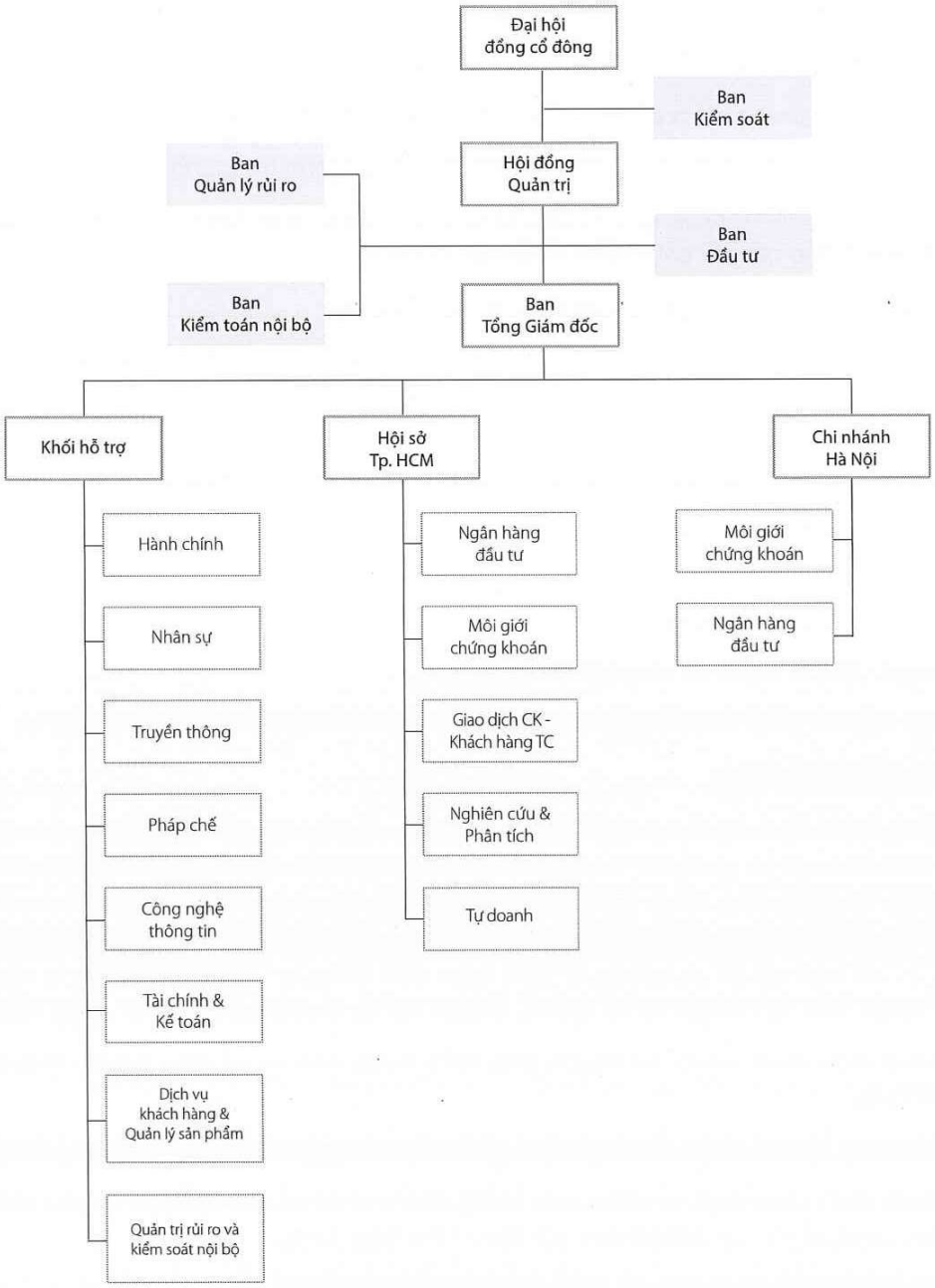

Tổ chức và hoạt động của Công ty được dựa trên những văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều Lệ của Công ty; và
- Những văn bản pháp lý khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

b. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. Hội đồng Quản trị Vietcap gồm có 06 (sáu) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm). Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
- Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

c. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Vietcap có ba (03) thành viên; nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

d. Ban Tổng Giám đốc

Thành phần Ban tổng giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty.

Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là năm (05) năm.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng Quản trị phê duyệt;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng Quản trị;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;

- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

e. Ban đầu tư

Ban Đầu tư phê duyệt các giao dịch và hạn mức đầu tư. Ban Đầu tư bao gồm các thành viên: Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

f. Ban quản lý rủi ro

Ban quản lý rủi ro được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng xác định rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ theo quy định.

g. Ban Kiểm toán nội bộ

Kiểm soát nội bộ giám sát và kiểm tra hoạt động của các bộ phận nhằm:

- Đảm bảo hoạt động đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và tuân thủ nghiêm túc mọi quy định liên quan của pháp luật và các quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ của công ty;
- Ngăn ngừa những hiện tượng vi phạm hoặc không tuân thủ pháp luật, quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ của công ty dẫn đến rủi ro trong hoạt động;
- Bảo vệ an toàn tài sản và uy tín của công ty;
- Kiến nghị với Ban giám đốc Công ty trong việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế và quy trình nghiệp vụ nhằm tăng cường biện pháp đảm bảo an toàn tài sản, giảm thiểu rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.4 Danh sách cổ đông

a. Cơ cấu cổ đông hiện tại

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VĐL
I	**Cổ đông trong nước**	**16.766**	**464.645.241**	**4.646.452.410.000**	**80,88%**
	Tổ chức	68	20.272.869	202.728.690.000	3,53%
	Cá nhân	16.698	444.372.372	4.443.723.720.000	77,35%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**234**	**109.824.239**	**1.098.242.390.000**	**19,12%**
	Tổ chức	74	106.634.256	1.066.342.560.000	18,56%
	Cá nhân	160	3.189.983	31.899.830.000	0,56%
III	**Cổ phiếu quỹ**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Tổng cộng	**17.000**	**574.469.480**	**5.744.694.800.000**	**100,00%**

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 13/09/2024

b. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Họ và tên	Số GCNĐKKD/ CMND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % / vốn điều lệ thực góp
1	Tô Hải	034073008380	21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, Tp. HCM	128.889.403	22,44%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 13/09/2024

c. Danh sách người có liên quan của Công ty

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	**Nguyễn Thanh Phượng**	**Chủ tịch HĐQT**	**091180000104**	**22.815.000**	**3,97%**
1.01	Nguyễn Hoàng Bảo	Chồng	079073000764	0	0,00%
1.02	Nguyễn Bảo Hoàng Mi	Con	C8618899	0	0,00%
1.03	Nguyễn Bảo Hoàng Mai	Con	C8918899	0	0,00%
1.04	Nguyễn Tấn Dũng	Cha	96049000018	0	0,00%
1.05	Trần Thanh Kiệm	Mẹ	93154000023	0	0,00%
1.06	Nguyễn Thanh Nghị	Anh ruột	370883743	0	0,00%
1.07	Phan Diệu Linh	Chị dâu	12059828	0	0,00%
1.08	Nguyễn Minh Triết	Em ruột	24241095	0	0,00%
1.09	Đồng Thanh Vi	Em dâu	291105014	0	0,00%
1.10	CTCP QLQ Đầu tư CK Bản Việt	Công ty có liên quan	08/UBCK-GPHĐ	0	0,00%
1.11	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Công ty có liên quan	0025/NH-GP	0	0,00%
1.12	Công ty CP Bất Động Sản Bản Việt	Công ty có liên quan	305051312	0	0,00%
2	**Tô Hải**	**Thành viên HĐQT & Tổng Giám đốc**	**034073008380**	**128.889.403**	**22,44%**
2.01	Trương Nguyễn Thiên Kim	Vợ	068176000014	12.530.351	2,18%
2.02	Tô Hồng Hà	Em trai	034076005064	93.355	0,02%
2.03	Lê Kim Phượng	Em dâu	072184008157	0	0,00%
2.04	Trần Thị Lan	Mẹ	035151000112	0	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
2.05	Tô Hữu Định	Cha	034047000908	0	0,00%
2.06	Tô Thị Lan Hương	Chị	034172005081	0	0,00%
2.07	Phạm Nguyên Vũ	Anh rể	079072002592	0	0,00%
2.08	Nguyễn Thị Thể	Mẹ vợ	060143004524	0	0,00%
2.09	Tô Lâm	Con		0	0,00%
2.10	Tô An	Con		0	0,00%
2.11	Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sữa IDP	Công ty có liên quan	0302000974	0	0,00%
3	**Nguyễn Việt Hòa**	**Thành viên HĐQT**	**38175034220**	**0**	**0,00%**
3.01	Lê Thị Độ	Mẹ	056147003918	0	0,00%
3.02	Nguyễn Văn Thám	Bố	054045000285	0	0,00%
3.03	Nguyễn Quốc Thái	Em Trai	024672523	0	0,00%
3.04	Phạm Nhật Quang	Chồng	001070016736	0	0,00%
3.05	Phạm Việt Dũng	Con trai	079203007231	0	0,00%
3.06	Phạm Anh Thư	Con gái	079308019934	0	0,00%
3.07	Nguyễn Thị Hợi	Mẹ Chồng	001146002413	0	0,00%
3.08	Vũ Thị Thanh Hiền	Em dâu	066182000121	0	0,00%
3.09	Phạm Hoài Thanh	Anh chồng	023629058	0	0,00%
3.10	Nguyễn Thị Thu Trang	Chị bạn dâu	022211402	0	0,00%
3.11	Phạm Tuấn Minh	Em chồng	001073013028	0	0,00%
3.12	Nguyễn Ngọc Minh Trúc	Em bạn dâu	023162403	0	0,00%
3.13	Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	Công ty có liên quan	0301164065	0	0,00%
4	**Nguyễn Lân Trung Anh**	**Thành viên HĐQT**	**001088041933**	**0**	**0,00%**
4.01	Nguyễn Lân Trung	Cha	1055008794	0	0,00%
4.02	Đặng Bích Ngà	Mẹ	1155009240	0	0,00%
4.03	Nguyễn Ngọc Lưu Ly	Chị ruột	1181021650	0	0,00%
4.04	Trần Ngọc Minh	Anh rể	1081000261	0	0,00%
4.05	Trần Thị Kim Hà	Vợ	56189002263	0	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
4.06	Nguyễn Hà Trang	Con		0	0,00%
4.07	Trần Văn Hải	Bố vợ	220872406	0	0,00%
4.08	Phan Thị Tuyết Hằng	Mẹ vợ	220642595	0	0,00%
4.09	Trần Văn Hảo	Em vợ	225485397	0	0,00%
4.10	Trần Thị Kim Hiền	Em vợ	225750188	0	0,00%
4.11	Công ty TNHH Phoenix Holdings	Công ty có liên quan	313478179	0	0,00%
4.12	Công ty Cổ phần Công nghệ First Ai	Công ty có liên quan	316353869	0	0,00%
4.13	Công ty Cổ phần Timo Việt Nam	Công ty có liên quan	313193007	0	0,00%
4.14	Công ty Cổ phần Gro Holdings	Công ty có liên quan	316226620	0	0,00%
4.15	Công ty Cổ phần Seven System Việt Nam	Công ty có liên quan	313330856	0	0,00%
4.16	Công ty TNHH Thương Mại MaxToTo	Công ty có liên quan	313662770	0	0,00%
4.17	Công ty cổ phần Tài chính Tín Việt	Công ty có liên quan	102766770	0	0,00%
4.18	Công ty Cổ phần Firebird Investment	Công ty có liên quan	315380450	0	0,00%
5	**Lê Ngọc Khánh**	**Thành viên HĐQT**	**079091029788**	**0**	**0,00%**
5.01	Lê Văn Trúc	Cha ruột	23142367	0	0,00%
5.02	Phan Thị Thanh	Mẹ ruột	21695245	0	0,00%
5.03	Lê Thị Ngọc Phượng	Chị ruột	A9779757	0	0,00%
5.04	Lê Ngọc Linh	Anh ruột	23332196	0	0,00%
5.05	Lê Thị Ngọc Minh	Chị ruột	23637212	0	0,00%
5.06	Nguyễn Văn Thiên	Anh rể	051081000311	0	0,00%
5.07	CTCP Cafe Katinat	Tổ chức có liên quan	316612746	0	0,00%
5.08	CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	Tổ chức có liên quan	301164065	0	0,00%
6	**Nguyễn Quang Bảo**	**Phó Tổng Giám đốc**	**001075010479**	**2.184.156**	**0,38%**

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
6.01	Ngô Thị Phúc	Mẹ đẻ	010108108	0	0,00%
6.02	Lê Đỗ Tập	Bố vợ	013027553	0	0,00%
6.03	Nguyễn Thị Kim Thoa	Mẹ vợ	013027554	0	0,00%
6.04	Lê Thị Đỗ Quyên	Vợ	012908533	0	0,00%
6.05	Nguyễn Ngọc Mai	Con	001199024343	0	0,00%
6.06	Nguyễn Quỳnh Anh	Con	001304011847	0	0,00%
6.07	Nguyễn Quang Tuấn	Anh trai	001066008329	0	0,00%
6.08	Lương Thị Tuyết	Chị dâu	011622718	0	0,00%
6.09	Nguyễn Quang Đông	Em trai	N1424333	0	0,00%
6.10	Trần Thị Lương Khánh	Em dâu	N1543378	0	0,00%
7	**Đinh Quang Hoàn**	**Thành viên HĐQT & Phó Tổng Giám đốc**	**031076024210**	**390.174**	**0,07%**
7.01	Đinh Quang Tập	Cha	031053009979	0	0,00%
7.02	Nguyễn Thị Hánh	Mẹ	031153008990	0	0,00%
7.03	Lâm Bình Lễ	Cha vợ	052043003009	0	0,00%
7.04	Lâm Thị Tố Nga	Vợ	079176027001	0	0,00%
7.05	Đinh Quang Khải	Con trai	079204002398	0	0,00%
7.06	Đinh Quang Minh	Con trai	079209045491	0	0,00%
7.07	Đinh Quang Hợp	Anh trai	031073014593	0	0,00%
7.08	Lê Minh Tâm	Chị dâu	038181013431	0	0,00%
7.09	Công ty Cổ phần Lothamilk	Thành viên HĐQT	3600361211	0	0,00%
7.10	Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sữa IDP	Thành viên HĐQT	0302000974	0	0,00%
8	**Mai Thị Thanh Trang**	**Trưởng Ban Kiểm soát**	**070181000117**	**0**	**0,00%**
8.01	Mai Văn Phước	Cha	079055008035	0	0,00%
8.02	Nguyễn Thị Thanh Mai	Mẹ	079160016259	0	0,00%
8.03	Trần Hải Nam	Con		0	0,00%
8.04	Trần Mai Hải Anh	Con		0	0,00%
8.05	Mai Văn Tuấn	Em	070083006008	0	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
8.06	Mai Thúy Ái	Em dâu	080183019000	0	0,00%
9	**Bùi Thị Minh Nguyệt**	**Thành viên BKS**	**080178022495**	**0**	**0,00%**
9.01	Nguyễn Minh Tuấn	Chồng	040074000933	0	0,00%
9.02	Nguyễn Bùi Thanh Mai	Con	08030300391	0	0,00%
9.03	Nguyễn Bùi Tuấn Minh	Con	079208049114	0	0,00%
9.04	Nguyễn Thị Lạc	Mẹ ruột	080158002526	0	0,00%
9.05	Bùi Công Đệ	Em ruột	080080022943	0	0,00%
9.06	Trần Thị Lâm Xuyên	Em dâu	080181003396	0	0,00%
9.07	Bùi Thị Bích Nguyên	Em ruột	080183000785	0	0,00%
9.08	Nguyễn Văn Dũng	Em rể	040080007445	0	0,00%
9.09	Bùi Minh Thông	Em ruột	080086014850	0	0,00%
9.10	Phạm Thanh Nguyên	Em dâu	080188011866	0	0,00%
9.11	Bùi Thị Bích Phương	Em ruột	080189004637	0	0,00%
9.12	Nguyễn Thị Hồng Tư	Mẹ chồng	370008413	0	0,00%
9.13	Công ty TNHH Phoenix Holdings	Giám đốc điều phối văn phòng	0313478179	0	0,00%
10	**Trương Thị Huyền Trang**	**Thành viên BKS**	**060188008802**	**0**	**0,00%**
10.01	Trương Trọng Phương	Bố	260530397	0	0,00%
10.02	Nguyễn Thị Kim Cúc	Mẹ	260859445	0	0,00%
10.03	Trương Thị Lệ Quyên	Chị gái	260964514	0	0,00%
10.04	Phạm Đức Hoài	Anh rể	11878693	0	0,00%
10.05	Trương Hoàng Bảo Thi	Em gái	261523936	0	0,00%
10.06	Công ty CP Bất Động Sản Bản Việt	Kế toán trưởng	0305051312	0	0,00%
11	**Đoàn Minh Thiện**	**Phó Tổng Giám đốc**	**046081000192**	**819.000**	**0,14%**
11.01	Đoàn Don	Cha	190612343	0	0,00%
11.02	Hồ Thị Việt	Mẹ	190612374	0	0,00%
11.03	Nguyễn Thị Ái Phương	Vợ	025156785	0	0,00%
11.04	Đoàn Thiện nghĩa	Con	Không	0	0,00%

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
11.05	Đoàn Nguyễn Thiện Nhân	Con	Không	0	0,00%
11.06	Đoàn Thiên Long	Con	Không	0	0,00%
11.07	Đoàn Thị Ngọc Quý	Em ruột	025282127	0	0,00%
11.08	Đoàn Quang Trường	Em ruột	025282111	0	0,00%
11.09	Đoàn Thị Ngọc Xuân	Em ruột	191749690	0	0,00%
11.10	Nguyễn Văn Minh Trí	Em rể	201573312	0	0,00%
11.11	Võ Chánh	Em rể	191483317	0	0,00%
11.12	Phan Lê Hoài Anh	Em dâu	191603806	0	0,00%
12	**Đoàn Trần Phương Thảo**	**Kế toán trưởng**	**079187021937**	**0**	**0,00%**
12.01	Đoàn Kim Sa	Cha	079058011991	0	0,00%
12.02	Trần Thị Cẩm Tiên	Mẹ	079161015617	0	0,00%
12.03	Đoàn Trần Hiếu	Anh ruột	079085012233	0	0,00%
12.04	Đoàn Trần Thanh	Em ruột	079095029893	0	0,00%
12.05	Trần Thị Diễm My	Chị dâu	089193001530	0	0,00%
13	**Bùi Vũ Hoàng Tuyên**	**Phụ trách quản trị Công ty**	**079087012762**	**48.100**	**0,01%**
13.01	Bùi Xuân Tứ	Cha ruột	079058017128	0	0,00%
13.02	Vũ Thị Kim Phượng	Mẹ ruột	079162031807	0	0,00%
13.03	Đinh Hải Anh	Vợ	024167855	0	0,00%
13.04	Bùi Hoàng Thủy Trúc	Con	Không	0	0,00%
13.05	Bùi Hoàng Bảo Sơn	Con	Không	0	0,00%
13.06	Bùi Vũ Hoàng My	Chị	079185006386	0	0,00%
13.07	Bùi Vũ Hoàng Kim	Em	N2175589	0	0,00%
13.08	Đinh Đức Ninh	Cha vợ	030059001030	0	0,00%
13.09	Nguyễn Thị Then	Mẹ vợ	034158003194	0	0,00%
13.10	Nguyễn Quốc Huy	Anh rể	023333456	0	0,00%
13.11	Chu Vi Thông	Em rể	C1468936	0	0,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 13/09/2024

d. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap được thành lập từ năm 2007, đến nay đã quá 03 (ba) năm nên không còn bị ràng buộc về hạn chế chuyển nhượng.

1.5 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

a. Công ty mẹ của Vietcap

Không có

b. Danh sách công ty con của Vietcap

Không có

c. Danh sách những công ty mà Vietcap đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

d. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Vietcap

Không có

1.6 Thông tin về Ban điều hành của tổ chức phát hành

a. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 3: Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND/ CCCD/ Hộ chiếu
Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc	1973	034073008380
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	1975	001075010479
Ông Đinh Quang Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	1976	031076024210
Ông Đoàn Minh Thiện	Phó Tổng Giám Đốc	1981	046081000192
Bà Đoàn Trần Phương Thảo	Kế toán trưởng	1987	079187021937

b. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc: Ông Tô Hải

- Họ và tên: **Tô Hải**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/12/1973
- Nơi sinh: Thái Bình

- Số CMND/CCCD: 034073008380
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao. Q.1, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 1997 - 2000 *Cán bộ Dự án, Công ty viễn thông liên tỉnh, Tổng Công ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam (Vietnam Telecom Nation)*
  - ✓ Từ 2001 – 2002 *Chuyên viên phân tích, Công ty Chứng khoán Bảo Việt*
  - ✓ Từ 2002 – 2003 *Trưởng phòng Tư vấn, Công ty Chứng khoán Đông Á*
  - ✓ Từ 2003 – 2007 *Giám đốc Chi nhánh, Công ty Chứng khoán Bảo Việt*
  - ✓ Từ 2007 – hiện nay *Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Phó Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Quang Bảo

- Họ và tên: **Nguyễn Quang Bảo**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/01/1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND/CCCD: 001075010479
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9 Ngõ 82, Phạm Ngọc Thạch, P.Quang Trung, Q.Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 1996 - 2000 *Nhân viên, Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam*
  - ✓ Từ 2000 – 2002 *Nhân viên Môi giới, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam*
  - ✓ Từ 2002 – 2005 *Trưởng phòng Môi giới, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam*
  - ✓ Từ 2005 -2007 *Phó Giám Đốc, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam*
  - ✓ Từ 2007 – 2008 *Phó Giám Đốc khối dịch vụ chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn*
  - ✓ Từ 2008 – hiện nay *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám Đốc Chi Nhánh Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám Đốc Chi Nhánh Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

  Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Phó Tổng Giám đốc: Ông Đinh Quang Hoàn

- Họ và tên: **Đinh Quang Hoàn**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/08/1976
- Nơi sinh: Hải Phòng

- Số CMND/CCCD: 031076024210
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: C22 Nam Long, KP2, P.Phú Thuận, Q.7, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành tài chính
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 09/1998 – 06/2002 *Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán Arthur Andersen*
  - ✓ Từ 06/2002 – 03/2007 *Trưởng phòng Kiểm toán, Công ty Kiểm toán KPMG*
  - ✓ Từ 03/2007 – 08/2007 *Phó phòng Tư vấn, Công ty Chứng khoán Bảo Việt*
  - ✓ Từ 08/2007 – 01/2013 *Giám Đốc Tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
  - ✓ 02/2013 – hiện nay *Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Lothamilk
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Phó Tổng Giám đốc: Ông Đoàn Minh Thiện

- Họ và tên: **Đoàn Minh Thiện**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 11/06/1981
- Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
- Số CMND/CCCD: 046081000192
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 521/69C CMT8, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 08/2003 – 08/2004 *Nhân viên Kế toán, Công ty TM-Xây dựng Hải Lê*
  - ✓ Từ 08/2004 – 07/2005 *Nhân viên Kế toán, Công ty Waseco*
  - ✓ Từ 07/2005 – 04/2007 *Nhân viên Kế toán, Công ty Jonathan Charles Fine Furniture*
  - ✓ Từ 04/2007 – 09/2011 *Phó phòng Tài chính và Kế toán, Công ty Petro Vietnam Telecom (nay là Petrosetco Distribution)*
  - ✓ Từ 09/2011 – 8/2024 *Kế toán trưởng, Bộ phận Tài chính kế toán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
  - ✓ Từ 08/2024 – hiện nay *Phó Tổng Giám Đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Phó Tổng Giám Đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Kế toán trưởng: Đoàn Trần Phương Thảo

- Họ và tên: **Đoàn Trần Phương Thảo**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 22/08/1987
- Nơi sinh: Hồ Chí Minh
- Số CMND/CCCD: 079187021937
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 641A Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 08/2009 – 06/2011 *Trợ lý Kiểm toán, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)*
  - ✓ Từ 07/2011 – 06/2014 *Chuyên viên Kiểm toán, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)*
  - ✓ Từ 07/2014 – 01/2019 *Phó trưởng Phòng Kiểm toán, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)*
  - ✓ Từ 02/2019 – 06/2021 *Trưởng phòng Kiểm toán, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)*
  - ✓ Từ 07/2011 – 06/2024 *Trưởng phòng Kiểm toán cấp cao, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)*
  - ✓ Từ 07/2024 – 08/2024 *Kế toán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
  - ✓ Từ 08/2024 – hiện nay *Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

1.7 Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền

Trưởng bộ phận quản trị rủi ro cho nghiệp vụ Chứng quyền bảo đảm: Ông Nguyễn Văn Khoa

- Họ và tên: Nguyễn Văn Khoa
- Trình độ học vấn
  - ✓ 1998 Cử nhân Tài chính kế toán – Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

- ✓ 2004 — Chứng nhận Quản trị tài chính cao cấp – Viện Quản Trị Doanh Nghiệp
- ✓ 2009 — Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ – Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

- Kinh nghiệm công tác:
  - ✓ Từ 1998 – 2004 — Chuyên viên kế toán – Công ty Scavi Việt Nam
  - ✓ Từ 2005 – 2007 — Kế toán trưởng – Công ty TNHH Sitto Việt Nam
  - ✓ Từ 2008 – 2018 — Kế toán trưởng – CTCP Chứng khoán Nhất Việt
  - ✓ Từ 2019 – hiện tại — Trưởng phòng Quản lý rủi ro – CTCP Chứng khoán Vietcap

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

2.1 Giá trị dịch vụ qua các năm

a. Doanh thu

Bảng 4: Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh chính qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Lũy kế 9 tháng 2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Ngân hàng đầu tư & khác	431	13,5%	35	1,4%	18	0,7%
Đầu tư chứng khoán	1.344	42,1%	1.156	46,3%	1.493	54,8%
Dịch vụ môi giới chứng khoán	609	19,1%	514	20,6%	567	20,8%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	808	25,3%	791	31,7%	645	23,7%
Tổng cộng	**3.192**	**100,0%**	**2.496**	**100,0%**	**2.723**	**100,0%**

Nguồn: Vietcap

Năm 2023, tổng doanh thu thuần đạt 2.496 tỷ đồng, giảm 21,8% so với năm 2022. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, tổng doanh thu đạt 2.723 tỷ đồng, vượt 108% kế hoạch kinh doanh năm 2024. Chi tiết doanh thu các mảng hoạt động như sau:

Hoạt động ngân hàng đầu tư

Vietcap được xem là công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam trong mảng tư vấn mua bán & sáp nhập (M&A) và huy động vốn, chào bán ra công chúng (IPO).

- Bộ phận ngân hàng đầu tư ("Investment Banking", "IB") của Vietcap cung cấp các dịch vụ tư vấn về M&A, huy động vốn, phát hành trái phiếu, IPO và niêm yết, gồm hai văn phòng tại Tp.HCM và Hà Nội với đội ngũ các chuyên gia trong và ngoài nước. Bộ phận ngân hàng đầu tư của Vietcap có thị phần dẫn đầu vượt trội trong mảng tư vấn tại Việt Nam và là đơn vị tư vấn

chính cho hầu hết các doanh nghiệp lớn trong nước, đồng thời cũng là đơn vị tư vấn trong nước được lựa chọn bởi các nhà đầu tư nước ngoài.

- Bộ phận IB của Vietcap có đội ngũ chuyên gia tư vấn tài chính am hiểu thị trường Việt Nam, từng có kinh nghiệm làm việc tại các công ty danh tiếng như Goldman Sachs, Credit Suisse, Bank of America Merrill Lynch... giúp đảm bảo khả năng triển khai giao dịch thành công, thực hiện các thương vụ đáp ứng chuẩn mực và chất lượng quốc tế để đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng.
- Bộ phận IB của Vietcap liên tục nhận được các giải thưởng tiêu biểu như "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam", "Công ty tư vấn phát hành tốt nhất" hàng năm từ các tổ chức quốc tế bao gồm Alpha Southeast Asia, Euromoney và Finance Asia.
- Năm 2021, Vietcap ghi nhận 337 tỷ đồng doanh thu từ hoạt động ngân hàng đầu tư (tăng 127% so với năm 2020). Vietcap đã hoàn tất thương vụ bán 49% cổ phần của FE Credit cho Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC). Ngoài thương vụ này, sự thành công của mảng Ngân hàng Đầu tư trong năm 2021 còn được đánh dấu bởi việc Vietcap hoàn thành thương vụ IPO và niêm yết CTCP Dịch vụ BĐS Đất Xanh (DSX).
- Trong năm 2022, Mảng Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu 431 tỷ đồng (tăng 28% so với năm 2021) và LNTT 342 tỷ đồng trong năm 2022 (tăng 48% so với năm 2021). Vietcap ghi nhận doanh thu từ các thương vụ đáng chú ý như Masan Meat Life chuyển nhượng mảng kinh doanh thức ăn chăn nuôi cho De Heus Việt Nam, phát hành riêng lẻ cho CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ), phát hành trái phiếu của CTCP Phát Đạt (PDR), Hưng Thịnh Group mua lại CTCP Sông Tiền (dự án Angel Island), đồng thời tư vấn cho các cổ đông sáng lập của chuỗi trà sữa Phúc Long bán phần vốn chi phối cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN).
- Trong năm 2023, Mảng Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu 35 tỷ đồng. Mảng Ngân hàng Đầu tư của Vietcap đang trong quá trình thực hiện các thương vụ tư vấn. Doanh thu và lợi nhuận từ các thương vụ chưa hoàn thành này chưa được ghi nhận đầy đủ vào Kết quả kinh doanh năm 2023.
- Trong 9 tháng đầu năm 2024, mảng Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 18 tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ năm trước) nhưng ghi nhận khoản lỗ ròng 10 tỷ đồng (so với mức lỗ ròng 23 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2023). Phòng Ngân hàng Đầu tư của Vietcap đang trong quá trình thực hiện các thương vụ tư vấn đáng chú ý.
- Các thương vụ tiêu biểu trong các năm qua:

IDP	Là đơn vị tư vấn tài chính cho việc thoái vốn của cổ đông hiện hữu và huy động vốn cho Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế (IDP) với tổng giá trị hơn $100 triệu (2023)
PHUC LONG Coffee & Tea, MASAN GROUP	Là đơn vị tư vấn cho các cổ đông sáng lập của chuỗi trà sữa Phúc Long bán phần vốn chi phối cho Tập đoàn Masan (2022)
PIZZA 4P'S, MEKONG CAPITAL	Là đơn vị tư vấn cho Mekong Capital bán phần vốn tại Pizza 4P's - một chuỗi pizza với công thức độc đáo (2022)

NN	Là đơn vị tư vấn cho Indorama Venture hoàn tất việc mua lại Công ty Cổ phần Công Nghiệp - Dịch vụ - Thương Mại Ngọc Nghĩa - một trong những công ty đi đầu trong lĩnh vực bao bì nhựa PET tại Việt Nam (2022)
PNJ	Là đơn vị tư vấn cho Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ), nhà sản xuất trang sức hàng đầu Việt Nam, chào bán riêng lẻ 15 triệu cổ phiếu với tổng giá trị 60 triệu đô-la Mỹ cho nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước (2022)
GEC jera	Là đơn vị đồng tư vấn cho JERA, doanh nghiệp sản xuất năng lượng lớn nhất Nhật Bản trong việc mua lại 35% cổ phần của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEC) (2022)
PC1	Là đơn vị tư vấn cho Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, nhà xây lắp và tổng thầu các công trình điện số 1 Việt Nam, đặc biệt là các công trình có yêu cầu kỹ thuật công nghệ cao, chào bán riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị 1.200 tỷ đồng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước (2022)
MASAN MEAT Life	Là đơn vị tư vấn bán mảng kinh doanh thức ăn chăn nuôi của Masan Meat Life cho De Hues Việt Nam
FE CREDIT	Là đơn vị tư vấn bán FE Credit cho Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)
TECHCOMBANK	Là đơn vị đồng tư vấn phát hành riêng lẻ & IPO cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam với giá trị vốn hóa là khoảng 6,5 tỷ USD (2018)
NAC NGU A CHAU JSC	Là đơn vị tư vấn độc quyền bên bán cho giao dịch bán 97% cổ phần Công ty Cổ phần Ngữ Á Châu, trị giá 180 tỷ đồng (2018)
Traphaco	Là đơn vị đồng tư vấn bên bán cho giao dịch bán cổ phần Công ty Cổ phần TRAPHACO, trị giá 105 triệu USD (2017)
VPBank	Tư vấn độc quyền phát hành riêng lẻ & IPO cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với giá trị vốn hóa là khoảng 2,3 tỷ USD (2017)
PNJ	Tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ) với tổng giá trị phát hành là hơn 975 tỷ đồng (2017)
CENTRAL Group BigC	Là đơn vị đồng tư vấn cho Casino Group chuyển nhượng chuỗi siêu thị BigC Việt Nam cho Tập đoàn Central Group với giá 1,1 tỷ Euro (2016)

F&N	Tư vấn cho bên mua là Fraser & Neave trong thương vụ mua 78,3 triệu cổ phần Vinamilk từ SCIC (tương ứng 5,4% vốn điều lệ) thông qua đấu giá với giá trị thương vụ 500 triệu USD (2016)
VietJetAir.com	Là đơn vị đồng tư vấn cho đợt bán cổ phần có quy mô lớn nhất trong những năm gần đây, VietJet Air – 170 triệu USD (2016); đơn vị tư vấn niêm yết duy nhất cho VietJet Air (2017)
NOVA LAND	Là đơn vị đồng tư vấn cho đợt bán cổ phần Novaland trị giá 120 triệu USD (2016)
KATO TOGICO	Tư vấn thành công thương vụ chuyển nhượng 100% vốn tại Công ty TNHH Togico – doanh nghiệp phân phối thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam cho Kato Sangyo – tập đoàn nước giải khát Nhật Bản với vai trò là đơn vị tư vấn độc quyền cho bên bán (2016)
ANCO MASAN NUTRI-SCIENCE	Tư vấn việc bán 30% cổ phần của Công ty ANCO cho Masan Nutri-Science nhằm tăng tỷ lệ sở hữu của Masan tại đây lên 100% (2016)
KHANG ĐIỀN	Tư vấn phát hành trái phiếu và cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền với tổng giá trị phát hành hơn 1.600 tỷ đồng (2015)
ANCO MASAN NUTRI-SCIENCE CENTRAL Group	Tư vấn cho Công ty cổ phần Masan thông qua Công ty Masan Nutri-Science mua lại 70% cổ phần Anco và 52% cổ phần Proconco (2015)
NguyenKim	Là đơn vị đồng tư vấn cho giao dịch Nguyễn Kim bán cổ phần cho Central Group Thái Lan (2014)
thegioididong	Là đơn vị tư vấn cho giao dịch chào bán cổ phần riêng lẻ Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (Mobile World) cho nhà đầu tư nước ngoài – 30 triệu USD (2014)
METRO PACIFIC TOLLWAYS CII B&R	Là đơn vị tư vấn cho Metro Pacific Tollways Corp. mua lại cổ phần Công ty CII B&R – 90 triệu USD (2014)
MASAN NUTRI-SCIENCE	Là đơn vị đồng tư vấn cho giao dịch bán 40% cổ phần Proconco cho Masan, trị giá 96 triệu USD (2013)

- Các thương vụ thành công khác:

VICEM Tư vấn Vicem trong giao dịch thoái vốn của Lafargeholcim tại Holcim Việt Nam 890 triệu USD 2016	**ChuỗiSiêu thị Big C** Đồng tư vấn M&A 1,100 triệu EUE 2016	**TOGICO** Tư vấn mua bán sáp nhập 20 triệu USD 2016	**Fraser & Neave ("F&N")** VINAMILK Tư vấn bên mua US$500mn 2016	**Bao bì Tân Tiến Bao bì Minh Việt** Tư vấn mua bán sáp nhập cho bên bán Bảo mật 2015
CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền Tư vấn mua lại dự án Bảo mật 2015	**Khang Dien House BCCI** Tư vấn mua bán sáp nhập Bảo mật 2015	**CTCP Phát triển BDS Phát Đạt** Tư vấn mua lại dự án Bảo mật 2015	**CTCP Thương mại Nguyễn Kim** Đồng tư vấn M&A Bảo Mật 2014	**CTCP Savimex** Tư vấn mua bán sáp nhập 6.9 triệu USD 2014
Xi Măng Hải Vân Tư vấn mua bán sáp nhập 38.6 triệu USD 2014	**Metro Pacific Tollways Corp (MPTC) CII B&R** Tư vấn bên mua - MPTC mua lại CII B&R 90 triệu USD 2014	**Taisei Oncho Co.,Ltd. Searefico** Tư vấn mua bán sáp nhập <10 triệu USD 2013	**Mobivi Paylink** Tư vấn mua bán sáp nhập 10 triệu USD 2012	**Tập đoàn Masan** Tư vấn Masan mua cổ phần bia Phú Yên 12.5 triệu USD 2013
CTCP phân bón & hóa chất dầu khí Tư vấn mua bán sáp nhập 779 triệu USD 2012	**Licogi 16.6** Tư vấn mua bán sáp nhập <10 triệu USD 2012	**Xi Măng Hải Vân** Tư vấn bên bán cho Vicem Hai Van mua lại Nhà máy xi măng Ấng Sơn II 40 triệu USD 2012	**CTCP Hang tiêu dùng Masan** Đại lý chào mua công khai Vinacafe Biên Hòa 50 triệu USD 2011	**CTCP Viễn Thông FPT** Tư vấn sát nhập FPT Information system, FPT trading and FPT Software 50 triệu USD 2011

Hãng hàng không Vietjet Air Đồng tư vấn chào bán đại chúng & niêm yết HOSE 1.3 tỷ USD 2017	Tập đoàn đầu tư địa ốc Novaland Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ 1.35 tỷ USD 2016	Vissan Đồng tư vấn chào bán đại chúng & UPCOM 290 triệu USD 2016	CTCP Xây lắp điện 1 Tư vấn niêm yết HOSE 120 triệu USD 2016	Tập đoàn NaFoods Tư vấn niêm yết HOSE 37 triệu USD 2015
CTCP Hàng tiêu dùng Masan Tư vấn UPCOM Bảo mật 2016	Tổng Công ty Xây dựng số 1 Tư vấn cổ phần hóa 70 triệu USD 2016	Cty TNHH – MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương Tư vấn cổ phần hóa 96 triệu USD 2016	Tổng Cty Chè VN – CTCP Vina Tea Tư vấn IPO 5 triệu USD 2015	Masan Tài Nguyên Tư vấn UPCOM 500 triệu USD 2015
CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau Tư vấn cổ phần hóa 219 triệu USD 2014	Thế giới di động Tư vấn niêm yết HOSE 200 triệu USD 2013	Phân bón Bình Điền Tư vấn niêm yết HOSE 63.5 triệu USD 2013	An Dương Thảo Điền Tư vấn niêm yết HOSE 50 triệu USD 2012	Tổng Cty Khí VN - PetroVietnam Gas Tư vấn niêm yết HOSE 3.2 tỷ USD 2012
CTCP Docimexco Tư vấn niêm yết HOSE 15 triệu USD 2011	Vinacafe Bien Hoa Tư vấn niêm yết HOSE 68 triệu USD 2011	Hanoi Southern City Development Tư vấn niêm yết UPCOM 49 triệu USD 2011	Cty Lương thực Đồng Tháp - Dong Thap Food Tư vấn niêm yết HOSE 21 triệu USD 2011	CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng Tư vấn UPCOM 50 triệu USD 2011

Home Credit Việt Nam	HD Sai Son	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động
Tư vấn chứng chỉ tiền gửi	Tư vấn chứng chỉ tiền gửi	Tư vấn trái phiếu doanh nghiệp	Tư vấn phát hành cổ phiếu	Tư vấn chào bán riêng lẻ
US$10mn 2015	US$27mn 2015	US$15mn 2015	US$<10mn 2014	US$30mn 2014

CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành	Tập đoàn Masan	Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
Tư vấn phát hành riêng lẻ	Tư vấn phát hành cổ phiếu	Tư vấn chào bán riêng lẻ	Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ	Tư vấn chào bán riêng lẻ
US$40mn 2014	US$<10mn 2013	US$110mn 2013	US$40mn 2013	US$57mn 2013

Công ty Phân bón Bình Điền	Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật	CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà đất COTEC	Ngân hàng Gia Định
Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng	Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ	Tư vấn phát hành cho đối tác chiến lược	Tư vấn phát hành cổ phiếu	Tư vấn phát hành cổ phiếu
US$3.7mn 2013	Bảo mật 2012	US$10mn 2012	US$<10mn 2012	USD$50mn 2011

Công ty Cổ phần Xây lắp I - Petrolimex	Tổng công ty XD Thủy lợi 4	Công ty Cổ phần Long Hậu	Công ty Cổ phần Sữa Vinamilk	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng	Tư vấn phát hành cổ phiếu	Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng	Tư vấn phát hành cổ phiếu	Tư vấn phát hành cổ phiếu
US$<10mn 2011	US$<10mm 2011	Bảo mật 2011	US$88mn 2011	US$50mn 2011

Hoạt động đầu tư chứng khoán

- Vietcap thực hiện đầu tư vào các khách hàng tư vấn của Vietcap giúp tạo ra một danh mục đầu tư hiệu quả.
- Chiến lược đầu tư tập trung vào các doanh nghiệp tăng trưởng, chuẩn bị niêm yết.
- Từ khi thành lập, Vietcap luôn tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các công ty tốt và triển vọng trong những ngành nghề khai thác được tiềm năng của thị trường Việt Nam với quy mô dân số hơn 90 triệu người.
- Với vị trí dẫn đầu trong mảng ngân hàng đầu tư, Vietcap có thể phối hợp chặt chẽ với các khách hàng tư vấn và có nhiều cơ hội để tham gia đầu tư tạo giá trị.
- Năm 2021 Vietcap ghi nhận doanh thu mảng đầu tư đạt 1.958 tỷ đồng, tăng 132% so với năm 2020.
- Trong cả năm 2022, Mảng Đầu tư ghi nhận doanh thu 1.344 tỷ đồng trong năm 2022 (giảm 31% so với năm 2021) và LNTT đạt 298 tỷ đồng (giảm 71% so với năm 2021), Trong cả năm 2022, doanh thu và lợi nhuận đầu tư của Vietcap bị ảnh hưởng bởi xu hướng giảm chung của thị trường khi VNI-Index khép lại năm 2022 với mức giảm 33%, gần như mất toàn bộ thành quả trong năm 2021 và kết thúc năm 2022 ở mức 1.007 điểm.
- Trong 2023, mảng Đầu tư tiếp tục là động lực dẫn dắt thu nhập chính của Vietcap trong cả năm, với LNTT đạt 347 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2022. Trong năm, Vietcap thực hiện giao dịch một số cổ phiếu như BSR, MBB, PVS, VPB, VNM, FPT, POW cùng với các cổ phiếu khác.
- Trong 9 tháng đầu năm 2024, mảng Đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 1,493 tỷ đồng (tăng 110% so với cùng kỳ năm trước) và LNTT đạt 485 tỷ đồng (tăng 97% so với cùng kỳ năm trước). Trong 9 tháng đầu năm 2024, Vietcap đã thực hiện một số giao dịch cổ phiếu như FPT, MBB, HPG, VNM, MWG và MCH cùng các cổ phiếu khác.

Dịch vụ môi giới chứng khoán

Môi giới khách hàng tổ chức nước ngoài ("Institutional Sales and Brokerage", "ISB"): Vietcap dẫn đầu thị phần trong mảng môi giới khách hàng nước ngoài.

- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức cung cấp đầy đủ các dịch vụ môi giới và giao dịch bao gồm:
  - ✓ Môi giới cổ phiếu và trái phiếu
  - ✓ Giao dịch lô lớn
  - ✓ Tư vấn đầu tư và thoái vốn
  - ✓ Lưu ký
  - ✓ Tiếp xúc doanh nghiệp
  - ✓ Hỗ trợ DMA, STP và FIX
- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức hiện nay gồm một đội ngũ nhiều chuyên gia trong nước và quốc tế giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, tư vấn đầu tư hiệu quả. Bên cạnh đó, bộ phận ISB được hỗ trợ bởi một đội ngũ phân tích thị trường, phụ trách báo cáo các doanh nghiệp, báo cáo ngành, báo cáo chiến lược…

- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức là đơn vị đầu mối tổ chức sự kiện "Vietnam Access Day" – VAD – một hội nghị thường niên uy tín thu hút đông đảo các nhà đầu tư tổ chức trong nước và quốc tế với số lượng tham dự lên đến 500 đơn vị. Ngoài ra, bộ phận ISB còn là trung gian kết nối các doanh nghiệp hàng đầu trong nước với nhà đầu tư quốc tế, thường xuyên tổ chức các chuyến thăm doanh nghiệp hoặc tổ chức các chuyến giới thiệu doanh nghiệp Việt Nam (non-deal roadshow) tại thị trường nước ngoài như Mỹ, Châu Âu, Hongkong, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan…
- Với lợi thế từ hoạt động tư vấn tài chính, M&A, bộ phận ISB có điều kiện tiếp cận, làm việc trực tiếp với nhiều doanh nghiệp tốt, có uy tín, thương hiệu trên thị trường. Từ đó, ISB có thể giới thiệu các cơ hội các cơ hội đầu tư tốt cho các khách hàng hiện hữu.
- Bộ phận ISB của Vietcap được bình chọn là (1) "Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam" bởi Alpha Southeast Asia năm 2014 và 2015; (2) "Nhà môi giới tốt nhất" bởi Finance Asia năm 2016-2018; (3) "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam" (Best Institutional Broker in Vietnam) năm 2020 bởi Alpha Southeast Asia.

Môi giới khách hàng trong nước ("Local Brokerage", "LB"): Vietcap đang giữ vị trí thứ 4 về thị phần môi giới tại HSX.

- Bộ phận môi giới trong nước phục vụ khách hàng cá nhân trong nước với đầy đủ các dịch vụ môi giới và hiện có hơn 50.000 tài khoản đang hoạt động. Các dịch vụ bao gồm môi giới, lưu ký, quản lý cổ đông, cung cấp dịch vụ ký quỹ… với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường và tận tâm với khách hàng. Tư vấn đầu tư được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của bộ phận môi giới.
- Bộ phận môi giới trong nước có khả năng tư vấn sâu sắc và toàn diện từ bộ phận nghiên cứu phân tích, hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định đúng đắn và hiệu quả.
- Bộ phận môi giới trong nước không ngừng cải tiến các phương thức giao dịch, trong đó phải kể đến các phương thức tương tác trực tuyến như V-Pro, V-Web, V-Mobile; hỗ trợ DMA và STP… đảm bảo tính nhanh chóng, thuận lợi và bảo mật thông tin.
- Số lượng khách hàng cá nhân của Vietcap ngày càng tăng trong các năm qua, và với tỷ lệ giao dịch của khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng chi phối trong toàn bộ giá trị giao dịch trên thị trường.
- Vietcap hướng đến khách hàng có doanh số cao, mục đích đầu tư ổn định và lâu dài.

Hình 4: Thị phần môi giới tổng thể của Vietcap tại HSX

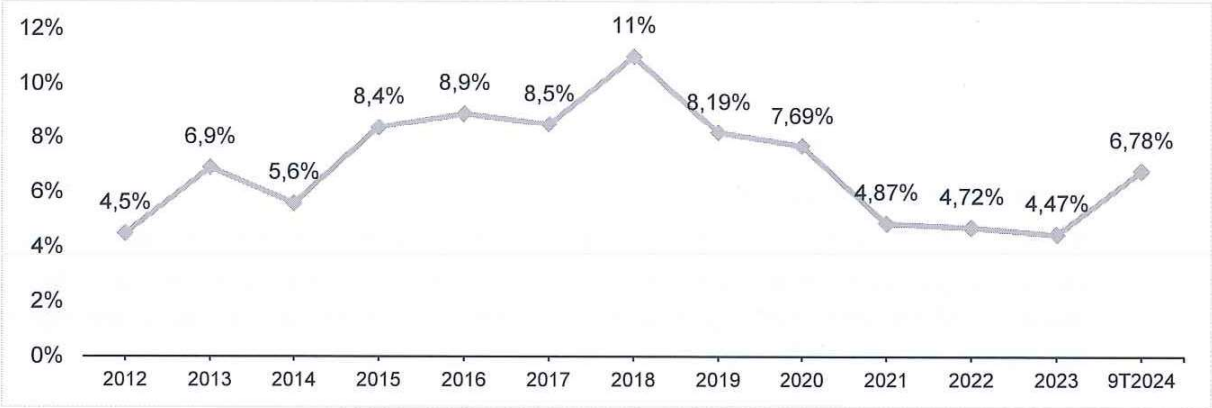

Nguồn: HSX

Năm 2023, mảng Môi giới ghi nhận tổng doanh thu 514 tỷ đồng (giảm 16% so với năm 2022) và LNTT đạt 102 tỷ đồng (giảm 47% so với năm 2022). Theo số liệu của HSX, năm 2023 Vietcap tiếp tục củng cố thị phần môi giới trong Top 8 trên HSX với 4,47% thị phần, giảm 0,25% so với năm 2022.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, mảng môi giới ghi nhận doanh thu đạt 567 tỷ đồng (tăng 53% so với cùng kỳ năm trước) và LNTT đạt 211 tỷ đồng (tăng 133% so với cùng kỳ năm trước). Vietcap đứng thứ 4 trên HOSE với thị phần môi giới là 6,78% trong 9 tháng đầu năm 2024, tăng từ vị trí thứ 6 với mức 5,32% trong Q2/2024.

Hoạt động giao dịch ký quỹ ("Margin lending")

Mảng Cho vay Ký quỹ ghi nhận doanh thu 808 tỷ đồng trong năm 2022 (tăng 35% so với 2021) và LNTT đạt 229 tỷ đồng (giảm 6% so với năm 2021). Dư nợ cho vay ký quỹ của Vietcap tại cuối tháng 12/2022 đạt 5.279 tỷ đồng, giảm 31% so với cuối năm 2021.

Mảng Cho vay Ký quỹ ghi nhận doanh thu 791 tỷ đồng trong năm 2023 (giảm 2,1% so với năm 2022) và LNTT đạt 153 tỷ đồng (giảm 33% so với năm 2022). Dư nợ cho vay ký quỹ của Vietcap tại cuối tháng 12/2023 đạt 7.992 tỷ đồng (tăng 51% so với cuối năm 2022). Hoạt động của mảng Cho vay Ký quỹ vẫn duy trì ổn định bất chấp các điều kiện thị trường biến động trong năm 2023 khi Vietcap vẫn theo đuổi chính sách thận trọng trong hoạt động cho vay ký quỹ.

Tỷ suất tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ trên vốn chủ sở hữu vào cuối năm 2022 là 81,3% và tại thời điểm cuối năm 2023 là 108,4%, thấp hơn đáng kể so với giới hạn theo quy định là 200%.

Mảng cho vay ký quỹ đạt doanh thu 648 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2024 (tăng 10% so với cùng kỳ năm trước) và LNTT đạt 151 tỷ đồng (tăng 39% so với cùng kỳ năm trước).

Dư nợ cho vay ký quỹ của Vietcap tính đến cuối tháng 9/2024 đạt 10.112 tỷ đồng (giảm 27% so với cuối năm 2023).

Hình 5: Số dư hoạt động cho vay ký quỹ 2012 – 9 tháng năm 2024

Đơn vị: tỷ đồng

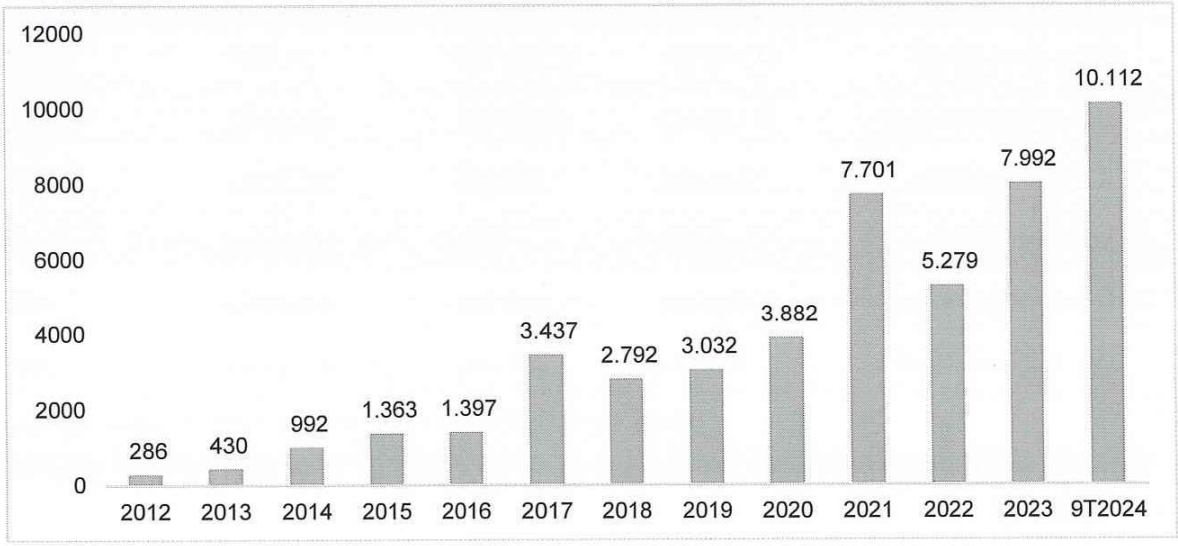

Nguồn: Vietcap

b. Lợi nhuận trước thuế

Bảng 5: Tổng lợi nhuận trước thuế theo lĩnh vực kinh doanh chính qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Lũy kế 9 tháng 2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Ngân hàng đầu tư & khác	342	32,2%	(32)	(5,6%)	(10)	(1,2%)
Đầu tư chứng khoán	298	28,1%	347	60,9%	485	58,0%
Dịch vụ môi giới chứng khoán	192	18,1%	102	17,9%	211	25,2%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	228	21,6%	153	26,8%	150	18,0%
Tổng cộng	**1.060**	**100,0%**	**570**	**100,0%**	**836**	**100,0%**

Nguồn: Vietcap

2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Trong năm 2023, lợi nhuận trước thuế đạt 570 tỷ đồng, giảm 46% so với năm 2022 và đạt 57% kế hoạch năm 2023 của Vietcap là 1.000 tỷ đồng. Trong 9 tháng đầu năm 2024, Vietcap ghi nhận LNTT đạt 836 tỷ đồng, tăng 98% so với cùng kỳ năm trước và vượt 119% kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Vietcap là 700 tỷ đồng.

Bảng 6: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2022	2023	% Tăng/(giảm) 2022-2023	9 tháng 2024
Tổng giá trị tài sản	14.242.751	17.255.135	21,15%	20.415.163
Doanh thu hoạt động	3.156.243	2.472.461	(21,66%)	2.696.529
Kết quả hoạt động	1.016.042	570.010	(43,90%)	833.238
Lợi nhuận khác	43.697	129	(99,70%)	2.764
Lợi nhuận trước thuế	1.059.739	570.139	(46,20%)	836.002
Lợi nhuận sau thuế	868.978	491.905	(43,39%)	692.315

Nguồn: BCTC kiểm toán 2022, 2023 và BCTC 9 tháng đầu năm 2024

2.3 Các tranh chấp/ kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại (nếu có)

Vietcap không có bất kỳ tranh chấp/ kiện tụng nào tính đến thời điểm hiện tại.

2.4 Các sự kiện vi phạm khác trong 01 năm gần nhất tính đến thời điểm hiện tại (nếu có)

Trong năm 2024, Vietcap đã nhận Quyết định số 150/QĐ-XPHC của UBCKNN ngày 06/02/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Vietcap đã hoàn thành các biên pháp khắc phục vi phạm theo quy định của pháp luật.

Đến thời điểm hiện tại, Vietcap không có bất kỳ xử phạt vi phạm hành chính nào trong lĩnh vực chứng khoán và các quy định pháp luật khác.

2.5 Các chứng quyền mà công ty đã phát hành

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
1	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A1	CMWG1905	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	94.000	09/09/2019	09/12/2019	1.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
2	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A1	CFPT2002	FPT	6	Mua	Châu Âu	2:1	58.000	22/01/2020	22/07/2020	1.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
3	Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A1	CVPB2003	VPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	22.000	22/01/2020	22/07/2020	1.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
4	Chứng quyền MBB/VCSC/M/Au/T/A1	CMBB2005	MBB	6	Mua	Châu Âu	1:1	20.000	24/04/2020	26/10/2020	1.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
5	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A1	CMWG2006	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	110.000	24/04/2020	26/10/2020	1.500.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
6	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A1	CPNJ2003	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	75.000	24/04/2020	26/10/2020	1.500.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
7	Chứng quyền TCB/VCSC/M/Au/T/A1	CTCB2003	TCB	6	Mua	Châu Âu	1:1	25.000	24/04/2020	26/10/2020	1.500.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
8	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A2	CFPT2014	FPT	6	Mua	Châu Âu	2:1	55.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
9	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A1	CHPG2025	HPG	6	Mua	Châu Âu	1:1	34.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
10	Chứng quyền MSN/VCSC/M/Au/T/A1	CMSN2012	MSN	6	Mua	Châu Âu	2:1	65.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
11	Chứng quyền VNM/VCSC/M/Au/T/A1	CVNM2014	VNM	6	Mua	Châu Âu	5:1	140.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
12	Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A2	CVPB2013	VPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	27.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
13	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A3	CMWG2102	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	120.000	01/02/2021	02/08/2021	2.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
14	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A2	CPNJ2102	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	80.000	01/02/2021	02/08/2021	2.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
15	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A3	CFPT2102	FPT	6	Mua	Châu Âu	5:1	90.000	09/07/2021	10/01/2022	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
16	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A2	CHPG2109	HPG	6	Mua	Châu Âu	1:1	55.000	09/07/2021	10/01/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
17	Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A1	CSTB2105	STB	6	Mua	Châu Âu	1:1	30.000	09/07/2021	10/01/2022	3.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
18	Chứng quyền VNM/VCSC/M/Au/T/A2	CVNM2106	VNM	6	Mua	Châu Âu	5:1	100.000	13/07/2021	13/01/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
19	Chứng quyền KDH/VCSC/M/Au/T/A1	CKDH2106	KDH	6	Mua	Châu Âu	1:1	49.000	10/08/2021	10/02/2022	3.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
20	Chứng quyền MBB/VCSC/M/Au/T/A2	CMBB2105	MBB	6	Mua	Châu Âu	1:1	36.000	10/08/2021	10/02/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
21	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A4	CMWG2109	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	170.000	10/08/2021	10/02/2022	1.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
22	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A3	CPNJ2107	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	110.000	10/08/2021	10/02/2022	1.500.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
23	Chứng quyền VHM/VCSC/M/Au/T/A1	CVHM2109	VHM	6	Mua	Châu Âu	5:1	130.000	10/08/2021	10/02/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
24	Chứng quyền TCB/VCSC/M/Au/T/A3	CTCB2108	TCB	6	Mua	Châu Âu	1:1	58.000	13/09/2021	14/03/2022	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
25	Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A4	CVPB2107	VPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	74.000	13/09/2021	14/03/2022	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
26	Chứng quyền MSN/VCSC/M/Au/T/A3	CMSN2107	MSN	6	Mua	Châu Âu	5:1	150.000	13/09/2021	14/03/2022	2.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
27	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A5	CMWG2108	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	126.000	13/09/2021	14/03/2022	2.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
28	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A4	CPNJ2106	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	98.000	13/09/2021	14/03/2022	2.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
29	Chứng quyền ACB/VCSC/M/Au/T/A1	CACB2103	ACB	6	Mua	Châu Âu	1:1	37.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
30	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A4	CFPT2111	FPT	6	Mua	Châu Âu	5:1	106.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
31	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A3	CHPG2119	HPG	6	Mua	Châu Âu	2:1	53.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
32	Chứng quyền MSN/VCSC/M/Au/T/A4	CMSN2111	MSN	6	Mua	Châu Âu	7:1	160.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
33	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A6	CMWG2113	MWG	6	Mua	Châu Âu	6:1	154.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
34	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A5	CPNJ2110	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	113.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
35	Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A2	CSTB2112	STB	6	Mua	Châu Âu	1:1	31.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
36	Chứng quyền VIC/VCSC/M/Au/T/A2	CVIC2109	VIC	6	Mua	Châu Âu	5:1	102.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
37	Chứng quyền VNM/VCSC/M/Au/T/A3	CVNM2114	VNM	6	Mua	Châu Âu	5:1	96.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
38	Chứng quyền VRE/VCSC/M/Au/T/A1	CVRE2114	VRE	6	Mua	Châu Âu	1:1	34.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
39	Chứng quyền POW/VCSC/M/Au/T/A1	CPOW2205	POW	6	Mua	Châu Âu	1:1	13.900	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
40	Chứng quyền MSN/VCSC/M/Au/T/A5	CMSN2210	MSN	6	Mua	Châu Âu	8:1	116.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
41	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A6	CPNJ2205	PNJ	6	Mua	Châu Âu	6:1	129.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
42	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A5	CFPT2205	FPT	6	Mua	Châu Âu	6:1	93.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
43	Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A5	CVPB2207	VPB	6	Mua	Châu Âu	2:1	33.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
44	Chứng quyền VRE/VCSC/M/Au/T/A2	CVRE2212	VRE	6	Mua	Châu Âu	2:1	30.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
45	Chứng quyền TCB/VCSC/M/Au/T/A4	CTCB2207	TCB	6	Mua	Châu Âu	3:1	43.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
46	Chứng quyền MBB/VCSC/M/Au/T/A3	CMBB2203	MBB	6	Mua	Châu Âu	2:1	35.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
47	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A7	CMWG2203	MWG	6	Mua	Châu Âu	7:1	148.000	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
48	Chứng quyền NVL/VCSC/M/Au/T/A1	CNVL2203	NVL	6	Mua	Châu Âu	5:1	92.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
49	Chứng quyền KDH/VCSC/M/Au/T/A2	CKDH2205	KDH	6	Mua	Châu Âu	3:1	58.000	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
50	Chứng quyền HDB/VCSC/M/Au/T/A1	CHDB2204	HDB	6	Mua	Châu Âu	2:1	31.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
51	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A4	CHPG2207	HPG	6	Mua	Châu Âu	3:1	51.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
52	Chứng quyền VHM/VCSC/M/Au/T/A2	CVHM2206	VHM	6	Mua	Châu Âu	5:1	86.000	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
53	Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A3	CSTB2206	STB	6	Mua	Châu Âu	2:1	37.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
54	Chứng quyền VIB/VCSC/M/Au/T/A1	CVIB2301	VIB	6	Mua	Châu Âu	2:1	25.960	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
55	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A5	CHPG2305	HPG	6	Mua	Châu Âu	2:1	23.200	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
56	Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A4	CSTB2302	STB	6	Mua	Châu Âu	2:1	28.200	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
57	Chứng quyền TPB/VCSC/M/Au/T/A1	CTPB2301	TPB	6	Mua	Châu Âu	3:1	26.000	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
58	Chứng quyền MBB/VCSC/M/Au/T/A4	CMBB2303	MBB	6	Mua	Châu Âu	2:1	20.800	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
59	Chứng quyền ACB/VCSC/M/Au/T/A2	CACB2301	ACB	6	Mua	Châu Âu	2:1	27.700	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
60	Chứng quyền FPT/VIETCAP/M/Au/T/A6	CFPT2312	FPT	6	Mua	Châu Âu	5:1	92.600	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
61	Chứng quyền MSN/VIETCAP/M/Au/T/A6	CMSN2312	MSN	6	Mua	Châu Âu	5:1	98.100	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
62	Chứng quyền MWG/VIETCAP/M/Au/T/A8	CMWG2311	MWG	6	Mua	Châu Âu	3:1	58.900	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
63	Chứng quyền POW/VIETCAP/M/Au/T/A2	CPOW2311	POW	6	Mua	Châu Âu	1:1	15.500	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
64	Chứng quyền VNM/VIETCAP/M/Au/T/A4	CVNM2309	VNM	6	Mua	Châu Âu	5:1	82.000	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
65	Chứng quyền VRE/VIETCAP/M/Au/T/A3	CVRE2314	VRE	6	Mua	Châu Âu	3:1	34.100	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
66	Chứng quyền VPB/VIETCAP/M/Au/T/A6	CVPB2313	VPB	6	Mua	Châu Âu	2:1	24.400	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
67	Chứng quyền ACB/VIETCAP/M/Au/T/A3	CACB2401	ACB	6	Mua	Châu Âu	2:1	25.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
68	Chứng quyền HPG/VIETCAP/M/Au/T/A6	CHPG2401	HPG	6	Mua	Châu Âu	3:1	31.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
69	Chứng quyền MBB/VIETCAP/M/Au/T/A5	CMBB2401	MBB	6	Mua	Châu Âu	2:1	20.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
70	Chứng quyền STB/VIETCAP/M/Au/T/A5	CSTB2401	STB	6	Mua	Châu Âu	3:1	31.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
71	Chứng quyền TCB/VIETCAP/M/Au/T/A5	CTCB2401	TCB	6	Mua	Châu Âu	2:1	34.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
72	Chứng quyền TPB/VIETCAP/M/Au/T/A2	CTPB2401	TPB	6	Mua	Châu Âu	2:1	18.500	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
73	Chứng quyền VHM/VIETCAP/M/Au/T/A3	CVHM2401	VHM	6	Mua	Châu Âu	4:1	43.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
74	Chứng quyền VIB/VIETCAP/M/Au/T/A2	CVIB2401	VIB	6	Mua	Châu Âu	2:1	21.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT

Nguồn: Vietcap

3. Tình hình tài chính

3.1 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

3.2 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 30/09/2024 như sau:

Bảng 7: Số dư thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	21.280	7.571	40.189
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	22.744	20.545	31.537
Thuế thu nhập cá nhân	1.711	2.368	2.450
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	331	135	103
Tổng cộng	**46.067**	**30.619**	**74.279**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2022,2023 và BCTC 9 tháng đầu năm 2024

3.3 Tổng dư nợ vay

Dưới đây là số dư các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại 31/12/2022, 31/12/2023 và 30/09/2024:

Bảng 8: Số dư các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Khoản vay ngắn hạn	**6.873.307**	**9.099.275**	**10.832.654**
Vay ngắn hạn	6.326.207	8.979.275	10.832.654
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	547.100	120.000	-
Khoản vay dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	**6.873.307**	**9.099.275**	**10.832.654**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2022, 2023 và BCTC 9 tháng đầu năm 2024

Công ty không có khoản vay dài hạn. Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng được trình bày chi tiết ở bảng dưới đây.

Bảng 9: Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng

Khoản vay	Số dư tại 30/09/2024	Thông tin về khoản vay
(i) Vay ngân hàng trong nước	980.000	Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 1.750 tỷ đồng, có hiệu lực đến ngày 12/04/2025, bao gồm hạn mức cho vay tín chấp là 1.000 tỷ đồng và hạn mức cho vay có tài sản đảm bảo là 750 tỷ đồng.
(ii) Vay ngân hàng trong nước	1.100.000	Đây là khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 1.500 tỷ đồng, với mức hạn mức tín chấp là 1.300 tỷ đồng, có tài sản đảm bảo là 200 tỷ đồng.
(iii) Vay ngân hàng trong nước	100.000	Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 500 tỷ đồng có hiệu lực đến ngày 31/05/2025.
(iv) Vay ngân hàng trong nước	880.000	Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 900 tỷ đồng có hiệu lực đến ngày 27/03/2025.
(v) Vay ngân hàng trong nước	500.000	Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 1.000 tỷ đồng có hiệu lực đến ngày 31/08/2025.
(vi) Vay ngân hàng trong nước	1.460.000	Đây là các khoản vay tín chấp từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 1.500 tỷ đồng có hiệu lực đến ngày 28/06/2025.
(vii) Vay ngân hàng trong nước	1.400.000	Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 2.100 tỷ đồng có hiệu lực đến ngày 08/04/2025.
(viii) Vay ngân hàng nước ngoài	170.800	Đây là khoản vay từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 8 triệu đô la Mỹ có hiệu lực 01 năm và được tái tục hàng năm
(ix) Vay hợp vốn ngân hàng nước ngoài	1.817.830	Đây là khoản vay hợp vốn từ các ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 75 triệu USD có hiệu lực 01 năm.
(x) Vay hợp vốn ngân hàng nước ngoài	832.580	Đây là khoản vay hợp vốn từ các ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 34 triệu đô la Mỹ có hiệu lực 01 năm.

(xi) Vay công ty tài chính trong nước	360.000	Đây là khoản vay từ một công ty tài chính trong nước với mức hạn mức tín dụng là 520 tỷ đồng có hiệu lực đến ngày 24/05/2025.
(xii) Vay tổ chức trong nước	1.231.444	Đây là các khoản vay từ các tổ chức trong nước có kỳ hạn từ 6-9 tháng.
Tổng cộng	**10.832.654**	

Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2024

Toàn bộ các khoản vay ngắn hạn của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Các khoản vay chịu lãi suất từ 5% đến 8% một năm tùy thuộc vào thời điểm giải ngân.

Các khoản nợ của Vietcap tính đến cuối tháng 9/2024 là 10.833 tỷ đồng, tăng 19% so với cuối năm 2023. Tất cả các khoản nợ này đều là nợ ngắn hạn và chủ yếu được sử dụng để tài trợ cho hoạt động cho vay ký quỹ. Tỷ lệ tổng nợ trên VCSH của Vietcap tăng lên 125,3% vào cuối tháng 9/2024 so với mức 123,4% vào cuối năm 2023.

Công ty hiện không có bất kỳ khoản nợ quá hạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nào.

3.4 Tình hình công nợ hiện nay

a. Các khoản phải thu

Bảng 10: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Các khoản phải thu ngắn hạn	**120.085**	**1.094.492**	**235.746**
Các khoản phải thu	91.374	848.568	211.689
Trả trước cho người bán	2.306	227.931	1.944
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	28.334	31.213	35.334
Dự phòng các khoản phải thu	(1.928)	(13.220)	(13.220)
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	**120.085**	**1.094.492**	**235.746**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2022,2023 và BCTC 9 tháng đầu năm 2024

b. Các khoản phải trả

Bảng 11: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Nợ phải trả ngắn hạn	**7.487.465**	**9.465.772**	**11.178.396**
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	6.326.207	8.979.275	10.832.654
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	547.100	120.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	12.400	13.209	14.237

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Phải trả người bán ngắn hạn	16.021	159.638	499
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	221	378	4.432
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	46.067	30.619	74.279
Phải trả người lao động	112.156	99.745	187.552
Chi phí phải trả ngắn hạn	110.247	47.275	52.797
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	317.045	15.632	11.946
Nợ phải trả dài hạn	**259.818**	**418.133**	**594.715**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	259.818	418.133	594.715
Tổng cộng	**7.747.283**	**9.883.905**	**11.773.111**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2022, 2023 và BCTC 9 tháng đầu năm 2024

3.5 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

a. Chỉ tiêu về an toàn tài chính

Bảng 12: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
Giá trị vốn khả dụng	**6.388.319**	**6.941.160**	**8.623.263**
Tổng giá trị rủi ro thị trường (1)	1.021.198	1.237.473	1.614.835
Tổng giá trị rủi ro thanh toán (2)	143.473	69.773	114.849
Tổng giá trị rủi ro hoạt động (3)	375.907	290.848	381.976
Tổng giá trị rủi ro (4) =(1+2+3)	**1.540.578**	**1.598.094**	**2.111.660**
Tỷ lệ vốn khả dụng Giá trị vốn khả dụng / Tổng giá trị rủi ro	**415%**	**434%**	**408%**

Nguồn: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính tại 31/12/2022, 31/12/2023 và 30/06/2024

Theo quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ tài chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. Vietcap luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức rất cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 13: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	Ghi chú
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ / Nợ ngắn hạn)	1,89	1,81	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	54,4%	57,3%	
Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	119,3%	134,1%	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu hoạt động	27,5%	19,9%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	13,4%	6,7%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	6,1%	2,9%	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu hoạt động	32,2%	23,1%	
Thu nhập trên cổ phần (EPS – Đồng/ Cổ phiếu)	1.999	1.127	

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Vietcap lớn hơn 1 (1,89 năm 2022; 1,81 tại 31/12/2023) cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Tại 31/12/2023, hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là 134,1%, thấp hơn nhiều so với mức giới hạn 500% áp dụng cho công ty chứng khoán.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty như Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu hoạt động và Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu hoạt động trong năm 2022, 2023 đều đạt kết quả tốt. Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu trong hai năm 2022-2023 lần lượt đạt 13,4%; 6,7% là mức sinh lời khá cao so với các công ty trong ngành.

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền

Tên chứng quyền:	Chứng quyền HDB/VIETCAP/M/Au/T/A2
Tên chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh
Mã chứng khoán cơ sở	HDB
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng Việt Nam
Thời hạn:	06 tháng
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Hệ số nhân:	Không có
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Tài sản bảo đảm thanh toán	Ký quỹ
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán
Tổng số lượng chứng quyền dự kiến chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Giá chào bán dự kiến:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Ngày giao dịch theo kế hoạch:	Những ngày mà cả Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội dự kiến mở cửa giao dịch.
Sự kiện gián đoạn bổ sung:	Thay đổi luật pháp, nộp đơn phá sản, ngăn ngừa rủi ro, tăng chi phí bảo đảm, sự kiện tiền tệ, công ty cơ sở vỡ nợ.
Thời gian định giá:	Thời gian đóng cửa theo lịch biểu của giao dịch có liên quan liên quan đến chứng khoán cơ sở.
Phương pháp tính giá chào bán:	Black Scholes Merton

- Trong giai đoạn ban đầu, chúng tôi sẽ sử dụng phương pháp lựa chọn Black Scholes Merton để tính toán chứng quyền có đảm bảo. Sau khi áp dụng phần mềm tính toán tự động, chúng tôi sẽ sử dụng sự kết hợp của các mô hình nội bộ và tính toán phần mềm. Hướng dẫn giám sát sẽ được thông qua để đảm bảo các biện pháp quản lý rủi ro thận trọng có thể được thực hiện.
- Các tính toán mô hình được trình bày chi tiết dưới đây:
  - ✓ Giả định về tình hình thị trường

    R - giả định lãi suất kép liên tục

    D - Giả định lợi suất cổ tức kép liên tục

    P - Giá của chứng khoán cơ sở
  - ✓ Giả định mô hình

    Si - Sigma hoặc biến động
  - ✓ Giả định hợp đồng

    K - Giá thực hiện của chứng quyền có bảo đảm

    T - Thời gian đáo hạn (năm)

    C - Tỷ lệ chuyển đổi
  - ✓ Công thức tính

    (1) F = exp ((R-Q) * T); F là giá tương lai

    (2) d1 = (ln (F / K) + 0,5 (Si ^ 2) T) / (Si * T ^ (0,5))

    (3) d2 = (ln (F / K) - 0.5 (Si ^ 2) T) / (Si * T ^ (0.5))

    (4) N (d1) = NORMDIST (d1,0,1, TRUE); Phân phối chuẩn của d1

    (5) N (d2) = NORMDIST (d2,0,1, TRUE); Phân phối chuẩn của d2, của quyền mua được thực hiện.

    (6) N (-d1) = 1- N (d1)

    (7) n (d1) = NORM.S.DIST (d1, FALSE); Mật độ xác suất của tiêu chuẩn

    Giá quyền mua chứng quyền có đảm bảo = (exp (-R * T)) * (F * N (d1) - K * N (d2))

    Delta Quyền Mua = (exp (-Q * T)) * N (d1)

    Vega = P (exp (-Q * T)) * (n (d1) * (T ^ 0.5))

    Gamma = (exp (-Q * T)) * n (d1) / (P * Si * (T ^ 0.5))

    Trong đó, Delta là tỷ lệ thay đổi giá CW so với giá chứng khoán cơ sở

    Gamma là tỷ lệ thay đổi của Delta so với thay đổi giá của CW

    Vega là tỷ lệ thay đổi giá trị của danh mục đầu tư theo mức biến động của chứng khoán cơ sở

Các thông tin cụ thể về giá chứng khoán cơ sở:	(Xem thông tin chi tiết phần VI.2)
Lãi suất:	Không áp dụng
Độ biến động của chứng khoán cơ sở:	20% - 50% (Độ lệch chuẩn giá chứng khoán cơ sở trong năm 2020 chuẩn hóa theo năm).

- Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó (đối với trường hợp chào bán bổ sung): Đây là đợt phát hành chứng quyền lần đầu, không có đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

2.1 Chứng khoán cơ sở

a. Thông tin chung

Tên chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh
Mã chứng khoán cơ sở	HDB
Giá trị vốn hóa (tại ngày 08/11/2024):	76.454,45 tỷ đồng
Chỉ số giá/thu nhập hiện tại (P/E):	5,86 lần

b. Tính thanh khoản, tình hình biến động giá (đã điều chỉnh)

- Khối lượng giao dịch bình quân 12 tháng gần nhất: 7.317.252 cổ phiếu/ngày
- Giá đóng cửa điều chỉnh cao nhất 52 tuần: 28.300 đồng/cổ phiếu
- Giá đóng cửa điều chỉnh thấp nhất 52 tuần: 17.289 đồng/cổ phiếu

2.2 Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

a. Thông tin chung [1]

Tên công ty:	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HDB)
Logo:	HDBank Cam kết lợi ích cao nhất
Trụ sở chính:	25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại:	+84-(08)-6291 5916
Fax:	(028) 62 915 900
Website:	https://hdbank.com.vn/
Mã chứng khoán:	HDB
Ngày niêm yết tại HSX:	05/01/2018
Sàn giao dịch:	HOSE
Nhóm ngành:	Ngân hàng

[1] *Vui lòng xem thêm thông tin tại https://hdbank.com.vn/vi*

b. Kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

Bảng 14: Kết quả kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2022	2023	% Tăng/(giảm) 2022-2023	9 tháng 2024
Tổng giá trị tài sản	416.273	602.315	44,7%	629.569
Vốn chủ sở hữu	38.995	46.400	19,0%	53.584
Nợ phải trả	377.278	555.915	47,3%	575.985
Thu nhập lãi thuần	18.012	22.184	23,2%	22.654
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.957	2.188	-26,0%	993
Lãi (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	134	565	321,6%	609
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17	42	147,1%	63
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1.167	272,8%	(73)
Lãi thuần từ hoạt động khác	528	259	-50,9%	312
Lợi nhuận trước thuế	10.268	13.017	26,8%	12.655
Lợi nhuận sau thuế	8.209	10.336	25,9%	10.011

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2022,2023 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2024

Bảng 15: Các chỉ số tài chính chủ yếu trong 02 năm gần nhất

Chỉ số tài chính	2022	2023
Chỉ tiêu về tăng trưởng		
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	29,7%	23,2%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	27,2%	26,8%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	27,2%	25,9%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	90,6%	92,3%
Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	967,5%	1.198,1%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	21,1%	22,3%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	2,0%	1,7%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2022, 2023

c. Các sự kiện vi phạm pháp luật trong 01 năm gần nhất tính đến thời điểm hiện tại (nếu có)

Theo thông tin tổng hợp từ nguồn công bố thông tin chính thức tại website của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, sở giao dịch chứng khoán và UBCKNN, Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh không có bất kỳ khoản xử phạt vi phạm hành chính nào trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, cũng không có khoản xử phạt vi phạm pháp luật nào khác trong năm 2024.

3. Thời gian phân phối chứng quyền

Đối tượng nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. Thời gian phân phối dự kiến trong vòng (3) ngày làm việc. Vietcap sẽ thực hiện phân phối chứng quyền sau khi được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền, đã hoàn thành việc công bố thông tin tại TCPH và Sở giao dịch chứng khoán, đồng thời hoàn thành ký quỹ bảo đảm thanh toán theo quy định của pháp luật. Thời gian cụ thể sẽ theo thông báo của Vietcap tại Bản thông báo phát hành. Các mốc thời gian thực hiện dự kiến như sau, với giả định T là ngày làm việc:

- Thực hiện công bố thông tin bản cáo bạch và bản thông báo phát hành: dự kiến trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền (T+0), từ ngày T+1 đến ngày T+3;
- Ký quỹ bảo đảm thanh toán: dự kiến trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền (T+0), từ ngày T+1 đến ngày T+3;
- Phân phối chứng quyền: dự kiến trong vòng 03 (ba) ngày làm việc tính từ ngày T+4 đến hết ngày T+6.

4. Đăng ký mua và phân phối chứng quyền

Đăng ký mua trực tiếp tại TCPH thực hiện chứng quyền.Trình tự đăng ký như sau:

- **Bước 1:** Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận chào bán chứng quyền, tổ chức phát hành công bố bản cáo bạch và Bản thông báo phát hành trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và của tổ chức phát hành theo pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- **Bước 2:** Nhà đầu tư đến các chi nhánh của TCPH để đăng ký số lượng chứng quyền cần mua và thực hiện thanh toán theo Thông báo của TCPH. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền:
  Số tài khoản: 119.046.6244 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- **Bước 3:** TCPH phân bổ chứng quyền cho nhà đầu tư đăng ký, trong trường hợp số lượng chứng quyền đăng ký mua lớn hơn số lượng chứng quyền chào bán thì chứng quyền sẽ được phân phối theo nguyên tắc tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Số lượng chứng quyền phân bổ cho nhà đầu tư sẽ được làm tròn đến hàng trăm với nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ đơn vị sẽ bị hủy bỏ.
- **Bước 4:** TCPH thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký chứng quyền. Sau khi được VSDC cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng quyền, nhà đầu tư thực hiện lưu ký chứng quyền vào tài khoản chứng khoán

- **Bước 5:** TCPH thực hiện các thủ tục niêm yết chứng quyền tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM. Sau khi được cấp Quyết định niêm yết, chứng quyền sẽ được giao dịch trên hệ thống của Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

Nguyên tắc giá phân phối chứng quyền:

Giá phân phối chứng quyền sẽ là một mức giá duy nhất được TCPH thông báo tại Bản thông báo phát hành chứng quyền sau khi TCPH được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền.

Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 10.000 chứng quyền

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua chứng quyền:

Trường hợp lệnh đăng ký mua chứng quyền không hợp lệ/ hoặc được phân phối theo tỷ lệ, trong vòng 05 ngày làm việc sau khi kết thúc đăng ký mua chứng quyền, TCPH sẽ chuyển trả lại tiền cho nhà đầu tư theo hình thức chuyển khoản về tài khoản nhà đầu tư đã đăng ký trong Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.

5. Thực hiện chứng quyền

5.1 Trường hợp thanh toán bằng tiền

(1) Tổ chức phát hành (TCPH) gửi hồ sơ thông báo thực hiện chứng quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSDC chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó có các thông tin sau:

- Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc thứ hai sau ngày giao dịch cuối cùng tại SGDCK. Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, ngày đăng ký cuối cùng là ngày đáo hạn chứng quyền.
- Thông tin về ngày thanh toán: Ngày thanh toán là ngày làm việc thứ năm kể từ ngày đăng ký cuối cùng.

(2) TCPH gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến VSDC chậm nhất vào ngày đăng ký cuối cùng.

(3) Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi.

(4) Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của TCPH, VSDC lập và gửi cho HSX và các thành viên thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.

(5) Chậm nhất vào 9h ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC lập và chuyển danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

(6) Thành viên lưu ký (TVLK), tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu thông tin người sở hữu chứng khoán trong Danh sách do VSDC cung cấp với thông tin do thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đang quản lý và gửi cho VSDC Thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 15h30 ngày làm việc thứ hai kể từ ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong Danh sách. Trường hợp không chấp thuận do có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải gửi thêm cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSDC

sẽ cung cấp lại danh sách đã hiệu chỉnh dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

(7) Vào ngày làm việc thứ hai sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC gửi TCPH danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền.

(8) TCPH gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSDC chậm nhất vào ngày làm việc thứ ba sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong danh sách, TCPH phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.

(9) Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được Thông báo xác nhận của TCPH, VSDC gửi văn bản thông báo cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền.

(10) Chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày thanh toán tiền, TCPH chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày thanh toán, TCPH phải thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do chậm chuyển tiền. Căn cứ vào công văn của tổ chức phát hành, VSDC sẽ thông báo cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan.

(11) Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được VSDC phân bổ vào tài khoản của TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. TVLK chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu ký trong ngày thanh toán.

(12) Trường hợp TCPH thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được văn bản của TCPH, VSDC gửi thông báo cho SGDCK và các thành viên về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.

- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng [(Giá thanh toán – Giá thực hiện)/Tỷ lệ chuyển đổi].
- Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).
- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

5.2 Trường hợp chuyển giao chứng khoán cơ sở

Không có

5.3 Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán

Trường hợp bị mất khả năng thanh toán, Công ty sẽ sử dụng các nguồn sau để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký

6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

6.1 Quyền của người sở hữu chứng quyền mua

Người sở hữu chứng quyền mua được quyền nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

6.2 Các trường hợp khác

- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao dịch chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, thì giá thanh toán được áp dụng là trung bình giá đóng cửa của chứng quyền trong 05 ngày giao dịch liền kề trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực.
- Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, Công ty sẽ công bố cách thức xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực.
- Kể từ ngày công bố thông tin hủy chứng quyền đến ngày liền trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực, Công ty thực hiện việc mua lại chứng quyền thông qua hoạt động tạo lập thị trường. Giá mua lại là mức giá thanh toán đã công bố và theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán.

7. Điều chỉnh chứng quyền

7.1 Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, chia cổ tức bằng cổ phiếu, thưởng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu mới, chia tách cổ phiếu…

7.2 Cách thức xác định mức độ điều chỉnh

- Công thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:
  - ✓ Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
  - ✓ Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền /Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
  - ✓ Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ × (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền / Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân,
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, TCPH sẽ thực hiện điều chỉnh.

8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

8.1 Phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm

- Phí mua chứng quyền tại Công ty: là giá chào bán chứng quyền x Số lượng chứng quyền đăng ký mua.
- Phí môi giới tại Công ty.
- Phí giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán: 0,02% trên giá trị giao dịch.
- Phí lưu ký tại VSDC: 0,3 đồng/chứng quyền/tháng.

8.2 Biểu thuế

Theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư sẽ phải chịu mức thuế khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm như sau:

a) Về thuế TNCN:

Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền

Thuế được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Trong đó: Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm được tính như sau:

+ Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc

+ Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực)

Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần.

Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi)

b) Về thuế TNDN:

Đối với doanh nghiệp trong nước:

Doanh nghiệp có thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm thì khoản thu nhập này phải kê khai, nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo quy định.

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm và tài sản cơ sở cuối năm tài chính, doanh nghiệp không tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Đối với doanh nghiệp nước ngoài:

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm áp dụng tỷ lệ thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Trong đó, cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần áp dụng tương tự như cách tính thuế TNCN tại công văn 1468.

c) Về thuế GTGT:

Các hoạt động liên quan tới chào bán, niêm yết, giao dịch, tạo lập thị trường, kinh doanh chứng khoán, bù trừ, thanh toán chứng quyền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

9. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, Vietcap có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

9.1 Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

- Vietcap tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:
  - ✓ Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
  - ✓ Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
  - ✓ Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chêch lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.
- Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:
  - ✓ Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
  - ✓ Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá 5%;
  - ✓ Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
  - ✓ Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

9.2 Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, Vietcap không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa thị trường và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của Vietcap nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, Vietcap được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp Vietcap chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), Vietcap được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, Vietcap được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), Vietcap được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), Vietcap được miễn đặt lệnh mua;

- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), Vietcap được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), Vietcap được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện, Vietcap được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...
- Các trường hợp khác được SGDCK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

1.1 Các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của Vietcap

a. Hệ thống quản trị rủi ro

- Vietcap xây dựng, thiết lập và vận hành một hệ thống quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty bao gồm một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh và một cơ chế vận hành thống nhất với một bộ quy trình quản trị rủi ro.
- Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập nhằm mục tiêu:
  - ✓ Nhận diện được các rủi ro tiềm năng có thể xảy ra đối với hoạt động kinh doanh chứng quyền của tổ chức phát hành;
  - ✓ Xử lý một cách nhanh chóng và hiệu quả đối với các vấn đề liên quan đến các rủi ro đã được nhận diện;
  - ✓ Đảm bảo tính thống nhất giữa các bộ phận có liên quan trong quá trình quản trị rủi ro, đảm bảo hạn chế ở mức thấp nhất các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.
- Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đảm bảo:
  - ✓ Sự tham gia và giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát;
  - ✓ Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;
  - ✓ Kế hoạch triển khai quản trị rủi ro thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;
  - ✓ Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của BOM;
  - ✓ Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.
- Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn công ty, mỗi trưởng phòng, nhân viên của từng Phòng/ Ban đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty.

- Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Trong hệ thống quản trị rủi ro chung, Vietcap tách biệt vận hành quy trình quản trị rủi ro riêng đối với từng hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống

b. Quy trình quản trị rủi ro

- Hàng năm, Vietcap xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro thường xuyên của Công ty, Trong đó, mức độ rủi ro, hạn mức rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro được quy định cụ thể cho từng hoạt động kinh doanh và được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Hạn mức rủi ro được phân bổ và quản lý theo phương thức từ trên xuống cho từng bộ phận hoặc từng đối tác, giao dịch.
- Trong hoạt động phát hành chứng quyền, Vietcap thiết lập một hạn mức rủi ro cho danh mục chứng quyền của Vietcap, Đồng thời, xây dựng phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền và phương án phòng ngừa rủi ro cho từng chứng quyền.
- Hạn mức rủi ro cho danh mục chứng quyền do phòng Đầu tư, phòng Quản lý rủi ro, phòng Phân tích và phòng Kế toán tính toán, thiết lập dựa trên sự phân bổ các nguồn vốn, các yếu tố về rủi ro trọng yếu và khả năng chấp nhận rủi ro tối đa của Vietcap.
- Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền do phòng Kế toán xây dựng chi tiết, cụ thể cho từng Chứng quyền dựa trên việc cân đối, tính toán các nguồn vốn hay tài sản để đảm bảo cho việc thanh toán thực hiện chứng quyền.
- Phương án PNRR cho từng Chứng quyền do phòng Đầu tư, phòng Phân tích và Phòng Quản trị rủi ro phối hợp xây dựng dựa trên việc tính toán số lượng chứng khoán cơ sở đủ để đảm bảo việc phòng ngừa rủi ro cho hoạt động PHCQ.

c. Mô hình quản trị rủi ro

- Quản trị rủi ro là một quá trình liên tục được vận hành xuyên suốt trong quá trình thực hiện các chiến lược của Công ty, cân bằng giữa nguy cơ và cơ hội, tạo ra một khuôn khổ giúp định hướng sự gia tăng tính hiệu quả của quyết định.
- Quy trình quản trị rủi ro được tích hợp với văn hóa doanh nghiệp, Văn hóa rủi ro tập hợp giá trị cá nhân và doanh nghiệp, thái độ, năng lực, hành vi giúp Công ty xác định phương pháp quản trị rủi ro và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp.
- Quy trình quản trị rủi ro được vận hành cho toàn bộ Công ty và cho từng hoạt động kinh doanh của Vietcap được khái quát theo mô hình dưới đây:

Hình 6: Mô hình quản trị rủi ro

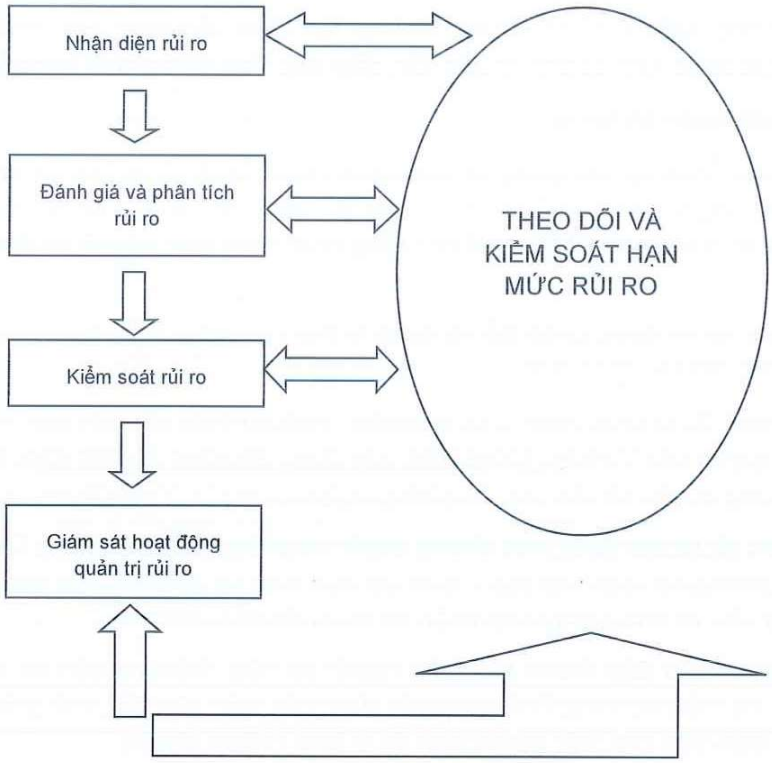

- Bước 1: Nhận diện rủi ro
  - ✓ Quá trình nhận diện rủi ro là việc phát hiện và liệt kê tất cả các yếu tố tác động bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - ✓ Các yếu tố tác động bên trong có thể là những hiện tượng, hành vi vi phạm tuân thủ các quy định của pháp luật, của Vietcap hoặc những lỗi do hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống kế toán, bộ phận nghiệp vụ...
  - ✓ Các yếu tố tác động bên ngoài là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán như lỗi hệ thống giao dịch chung, diễn biến giá chứng khoán cơ sở, thay đổi các chính sách, luật và quy định liên quan đến thị trường chứng khoán và tiền tệ.
  - ✓ Đối với hoạt động PHCQ của Vietcap, những rủi ro chính gồm nhưng không giới hạn:
    - **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro khi tổ chức phát hành không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như tổ chức phát hành chứng quyền bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền.
    - **Rủi ro thị trường:** Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm và giá của tài sản cơ sở.
    - **Rủi ro pháp lý:** Rủi ro khi tổ chức phát hành vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.
    - **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro khi chứng khoán cơ sở của Chứng quyền không giao dịch hoặc giao dịch với khối lượng rất thấp khiến cho NĐT không thể đóng trạng thái giao dịch đủ nhanh để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu thiệt hại.

- Bước 2: Đánh giá và phân tích rủi ro
  - ✓ Dựa trên các rủi ro liệt kê ở bước 1, Phòng Quản trị trong công ty sẽ đánh giá về khả năng hay xác suất rủi ro đó xảy ra và mức độ tác động.
  - ✓ Dựa vào đánh giá và phân tích mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra rủi ro, phòng Quản trị rủi ro xây dựng ma trận rủi ro gồm 5 cấp độ rủi ro tương ứng với mức độ ảnh hưởng: rất thấp, thấp, trung bình, cao và rất cao.
  - ✓ Quá trình phân tích và đánh giá rủi ro giúp cho việc xác định được rủi ro trọng yếu ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính và khả năng hoạt động liên tục của Công ty, từ đó xây dựng các phương pháp xử lý tập trung chủ yếu vào một hoặc một vài rủi ro trọng yếu.
- Bước 3: Kiểm soát rủi ro
  - ✓ Việc phân tích, đánh giá rủi ro sẽ giúp công ty xây dựng được chiến lược kiểm soát rủi ro thông qua việc lựa chọn chiến lược giải quyết hay đối phó với các rủi ro cho phù hợp. Các chiến lược thường được áp dụng để giải quyết hay đối phó với rủi ro là: tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro, giảm nhẹ rủi ro, chấp nhận rủi ro.
  - ✓ Chẳng hạn, sau khi xác định được các rủi ro trọng yếu, Phòng quản trị rủi ro và phòng ban liên quan cần phối hợp để tính toán và đưa ra các mức cảnh báo hoặc các tham số mục tiêu, từ đó đưa ra các phương án cũng như chiến lược để phòng ngừa rủi ro nhằm kiểm soát các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chứng quyền của công ty.
- Bước 4: Giám sát hoạt động quản trị rủi ro
  - ✓ Hoạt động cuối cùng trong quy trình quản trị rủi ro là hoạt động giám sát và trao đổi thông tin nhằm đánh giá lại toàn bộ quá trình nhận diện rủi ro, phân tích rủi ro, kiểm soát và đối phó với rủi ro của Công ty. Tiến độ thực hiện các kế hoạch kiểm soát rủi ro cho các rủi ro cụ thể cần được thông báo lên cấp trên và các phòng ban liên quan để chủ động thực hiện các hành động sửa chữa phù hợp.
  - ✓ Định kỳ, Phòng quản trị rủi ro thực hiện đánh giá hoạt động quản trị rủi ro và đề xuất các giải pháp điều chỉnh hoạt động quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, báo cáo BOM.

1.2 Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro

a. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro hoặc cử thành viên phụ trách để hỗ trợ các vai trò của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện triển khai hoạt động quản trị rủi ro theo chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
- Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:
  - ✓ Tiến hành rà soát và phê duyệt định kỳ hàng năm các chính sách, hạn mức rủi ro.
  - ✓ Chỉ đạo xử lý kịp thời các tồn tại trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc, Bộ phận quản trị rủi ro và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro.
  - ✓ Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và hiệu lực của Bộ phận quản trị rủi ro.

- Các biên bản được lập đối với các cuộc họp của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc, bộ phận quản trị rủi ro.

b. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm thành lập Bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động độc lập với các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ khác, Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm trưởng bộ phận quản trị rủi ro của Tổng Giám đốc phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị trong việc triển khai chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:
  - ✓ Xây dựng chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
  - ✓ Xây dựng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro.
  - ✓ Định kỳ hàng quý báo cáo Hội đồng quản việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro.
  - ✓ Đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro được hiểu và vận hành thống nhất từ trên xuống dưới trong công ty phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
  - ✓ Xây dựng và triển khai các quy trình xử lý rủi ro phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro, sức chịu đựng rủi ro của công ty chứng khoán.
  - ✓ Đảm bảo các quy trình quản trị rủi ro và bộ phận quản trị rủi ro được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng, đủ nhân sự và nguồn lực tài chính.
  - ✓ Báo cáo Hội đồng quản trị về trạng thái rủi ro trọng yếu.

c. Trách nhiệm của Phòng quản trị rủi ro:

- Bộ phận quản trị rủi ro có trách nhiệm:
  - ✓ Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của công ty chứng khoán.
  - ✓ Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh.
  - ✓ Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Tổng Giám đốc.
  - ✓ Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ.
  - ✓ Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro.
  - ✓ Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
  - ✓ Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Tổng Giám đốc.
  - ✓ Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán.

d. Vai trò quản trị rủi ro tại các bộ phận nghiệp vụ:

- Quản trị rủi ro là bộ phận không mang tính tách rời trong hệ thống quản trị của công ty, Các trưởng phòng/ban có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện tuân thủ, quy định quản trị rủi ro đối với từng hoạt động nghiệp vụ.
- Các quy trình thuộc bộ phận nghiệp vụ cần có tối thiểu các nội dung về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quyết định, trách nhiệm, các quy định hạn chế rủi ro và các quy tắc đảm bảo nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật.

1.3 Sự kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ

a. Kiểm soát giao dịch

Kiểm soát rủi ro hoạt động giao dịch chứng khoán ký quỹ là việc Phòng Quản trị rủi ro phối hợp với Phòng DVKH thực hiện các biện pháp giám sát, quản lý đối với các phòng nghiệp vụ để kiểm soát các rủi ro đã được phát hiện, cảnh báo, Theo dõi diễn biến thị trường, các chính sách các văn bản pháp luật để để kịp thời phát hiện rủi ro trong hoạt động giao dịch kỹ quỹ, Các công việc bao gồm:

- Theo dõi, giám sát quá trình tác nghiệp GDKQ của từng cá nhân, từng cán bộ trong phòng nghiệp vụ, Chi nhánh, Phòng giao dịch để đảm bảo tuân thủ đúng quy trình nghiệp vụ, phát hiện những hành vi vi phạm các quy trình nghiệp vụ, vi phạm quy định của pháp luật hoặc các hành vi có thể xâm phạm lợi ích của Công ty, lợi ích của Khách hàng và phòng tránh các rủi ro khác có thể phát sinh.
- Theo dõi, giám sát các giao dịch của các phòng nghiệp vụ có liên quan để đảm bảo các giao dịch của các phòng nghiệp vụ không phát sinh các rủi ro, tuân thủ đúng các quy trình nghiệp vụ, quyền hạn, hạn mức đã được cấp, các yêu cầu về tính minh bạch, sự an toàn của giao dịch và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Theo dõi diễn biến của thị trường để xác định các rủi ro thị trường có thể tác động đến hoạt động GQKQ, Báo cáo Ban lãnh đạo các nội dung liên quan đến hoạt động GQKQ, bao gồm:
  - ✓ Tình hình, kết quả thực hiện mua ký quỹ trong ngày bao gồm Tổng dư nợ cho vay giao dịch mua ký quỹ, tổng mức cho vay GDKQ đối với một Khách hàng, tổng dư nợ cho vay GDKQ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán, tổng số chứng khoán cho vay GDKQ;
  - ✓ Đề xuất về thay đổi các tiêu chí (nếu có);
  - ✓ Tình hình biến động các cổ phiếu trong DMCKKQ (giá, thanh khoản của cổ phiếu, các tiêu chí tài chính...);
  - ✓ Các kiến nghị, đề xuất khác của Phòng Quản trị rủi ro và các phòng ban có liên quan (nếu có).
- Theo dõi các chính sách, các văn bản pháp luật, văn bản pháp quy của Nhà nước và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định rõ các thay đổi trong chính sách có thể ảnh hưởng, tác động đến hoạt động giao dịch ký quỹ.

b. Hạn mức tín dụng và ký quỹ

- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.

- Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán đối với một khách hàng không được vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.

1.4 Tổ chức đánh giá tín dụng:

Không có

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

2.1 Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền

Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có);

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần

2.2 Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

a. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Để tổng chi phí bỏ ra trong suốt thời gian từ khi phát hành đến khi đáo hạn tiến đến gần sát, không được quá chênh lệch khoản phí chứng quyền hợp lý, trong trường hợp nếu có chênh lệch thì chỉ ở mức độ chấp nhận được, Chi phí bỏ ra gồm:

- Chi phí mua/bán tài sản cơ sở cho nhà đầu tư khi chứng quyền được thực hiện
- Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để mua tài sản cơ sở trong quá trình phòng hộ
- Phí giao dịch khi mua/bán tài sản cơ sở trong quá trình phòng hộ

Phí chứng quyền hợp lý là mức phí được tính toán theo các công thức định giá quyền chọn (còn gọi là giá lý thuyết) căn cứ trên một mức độ biến động hợp lý của giá tài sản cơ sở

b. Phương án phòng ngừa rủi ro tổng quát

- Nghiệp vụ đảm bảo (Hedging):
  - ✓ (1) Giả định giá (P) sẽ thay đổi ở tần suất của mỗi lần cập nhật giá
  - ✓ (2) Giả định Sigma (Si) sẽ thay đổi bình thường mỗi ngày, ngoại trừ những thời điểm biến động mạnh trên thị trường
  - ✓ (3) Nghiệp vụ đảm bảo Delta được duy trì hàng ngày trừ trường hợp có sự biến động lớn khi một trong hai hoặc cả hai biện pháp này có thể được thực hiện
    - o (a) Lấy mẫu lại trong ngày thường xuyên của nghiệp vụ đảm bảo Delta
    - o (b) Đảm bảo rủi ro gamma và vega

Nghiệp vụ đảm bảo Quyền Mua (Bán) bảo lãnh được thực hiện bằng cách mua (hoặc bán) Delta x Tỷ lệ chuyển đổi chứng khoán cơ sở (C)

Giá của một chứng quyền được bảo đảm tăng và giảm liên quan đến tài sản cơ sở theo thời gian. Tuy nhiên, số tiền (tỉ số hoặc delta) mà giá của chứng quyền được bảo đảm thay đổi, phụ thuộc vào việc chứng quyền được bảo đảm là ITM, ATM hay OTM. Delta của chứng quyền được bảo đảm nằm trong phạm vi từ 0 đến +1 đối với quyền mua.

- Chứng khoán phòng ngừa rủi ro:
  - ✓ Chứng khoán cơ sở của chứng quyền,
  - ✓ Các loại chứng khoán khác có cùng CKCS của chứng quyền (nếu có),
- Vị thế phòng ngừa rủi ro:
  - ✓ Hệ số phòng ngừa rủi ro: Delta

    Delta Quyền Mua = (exp (-Q * T)) * N (d1)
  - ✓ Giả định về tình hình thị trường:

    R - giả định lãi suất kép liên tục

    D - Giả định lợi suất cổ tức kép liên tục

    P - Giá của chứng khoán cơ sở
  - ✓ Giả định mô hình:

    Si - Sigma hoặc biến động
  - ✓ Giả định hợp đồng:

    K - Giá thực hiện của chứng quyền có bảo đảm

    T - Thời gian đáo hạn (năm)

    C - Tỷ lệ chuyển đổi
  - ✓ Công thức tính:

    (1) F = exp ((R-Q) * T); F là giá tương lai

    (2) d1 = (ln (F / K) + 0,5 (Si ^ 2) T) / (Si * T ^ (0,5))

    (3) d2 = (ln (F / K) - 0,5 (Si ^ 2) T) / (Si * T ^ (0,5))

    (4) N (d1) = NORMDIST (d1,0,1, TRUE); Phân phối chuẩn của d1

    (5) N (d2) = NORMDIST (d2,0,1, TRUE); Phân phối chuẩn của d2, của quyền mua được thực hiện

    (6) N (-d1) = 1- N (d1)

    (7) n (d1) = NORM,S,DIST (d1, FALSE); Mật độ xác suất của tiêu chuẩn

    Giá quyền mua chứng quyền có đảm bảo = (exp (-R * T)) * (F * N (d1) - K * N (d2))

    Vega = P (exp (-Q * T)) * (n (d1) * (T ^ 0,5))

    Gamma = (exp (-Q * T)) * n (d1) / (P * Si * (T ^ 0,5))
  - ✓ Công thức tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết:

Mua – if ((giá CKCS hiện tại <= giá thực hiện), số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi * [giá CKCS hiện tại – giá thực hiện] – Delta * số lượng chứng quyền *tỷ lệ chuyển đổi),0)

Bán – if ((giá CKCS hiện tại >= giá thực hiện), số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi * [giá thực hiện – giá CKCS hiện tại] – Delta * số lượng chứng quyền *tỷ lệ chuyển đổi),0)

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành

Bộ phận đầu tư của Vietcap phụ trách việc lựa chọn chứng khoán cơ sở, tạo lập thị trường cho CW hàng ngày, và kết hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro để quản trị rủi ro cho các chứng quyền phát hành. Các nhân sự phụ trách đã được đào tạo đầy đủ về các nội dung và nghiệp vụ liên quan.

Đến nay, Vietcap đã có nhiều năm kinh nghiệm thực hiện các đợt phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm, và luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của TCPH theo quy định pháp luật trong công tác phát hành, niêm yết, tạo lập thị trường, thanh toán thực hiện chứng quyền có bảo đảm. Với ưu thế về số lượng khách hàng, tiềm lực tài chính tốt, các chỉ tiêu an toàn tài chính luôn duy trì ở mức cao so với quy định, hệ thống công nghệ hiện đại, quản trị rủi ro chặt chẽ, Vietcap có khả năng thanh toán đầy đủ các chứng quyền với nhà đầu tư, đồng thời đáp ứng nhu cầu mua hoặc bán lại chứng quyền của nhà đầu tư với số lượng đã chào bán, đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền do Vietcap phát hành.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán

Tên ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Tên viết tắt:	BIDV
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại:	+84 (0)28 3821 8812
Website	www.bidv.com.vn

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ, với chức năng ban đầu là cấp phát và quản lý vốn kiến thiết cơ bản từ nguồn vốn ngân sách phục vụ tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Ngày 08/11/1994 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 654/QĐ-TTg về việc chuyển giao nhiệm vụ cấp phát vốn ngân sách và tín dụng theo Kế hoạch nhà nước từ BIDV về Tổng cục Đầu tư (trực thuộc Bộ Tài chính) và Quyết định 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994 của Thống đốc NHNN Việt Nam cho phép BIDV được kinh doanh đa năng như một Ngân hàng Thương mại, BIDV đã thực hiện những bước chuyển đổi cấu trúc cơ bản, định hướng kinh doanh mạnh mẽ theo hướng một ngân hàng thương mại đa năng, hoạt động đa ngành, kinh doanh đa lĩnh vực vì mục tiêu lợi nhuận. Những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên BIDV đã góp phần tích cực trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; khẳng định vai trò và vị trí của BIDV trong hoạt động ngân hàng; và đặc biệt, đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận với danh hiệu "Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới".

Qua 66 năm trưởng thành và phát triển, đến nay BIDV là một trong bốn ngân hàng thương mại lớn nhất ở Việt Nam, được tổ chức hoạt động theo mô hình Ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

Hoạt động chính của BIDV là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thanh toán giữa các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

2. Tổ chức kiểm toán

Tên công ty:	Công Ty TNHH PwC (Việt Nam)
Tên viết tắt:	PwC Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính:	Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp,Hồ Chí Minh
Điện thoại:	+84 (0)28 3823 0796
Website	www.pwc.com/vn

PwC Việt Nam thành lập văn phòng tại Hà Nội và Tp, HCM năm 1994 với đội ngũ chuyên gia hơn 1000 người Việt Nam và nước ngoài am hiểu sâu sắc môi trường kinh doanh tại Việt Nam. PwC Việt Nam cung cấp các dịch vụ tư vấn về chính sách và thủ tục đầu tư, thuế, pháp luật, kế toán và tư vấn tài chính doanh nghiệp trên cả nước, PwC Việt Nam có một công ty luật được Bộ Tư pháp cấp giấy phép có trụ sở chính tại Tp.HCM và chi nhánh tại Hà Nội.

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi tham gia vào một loạt các hoạt động ngân hàng đầu tư, đầu tư, môi giới và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và / hoặc các CKCS hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và / hoặc CKCS. Các hoạt động, thông tin và / hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và / hoặc các CKCS và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành Chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành Chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc cho các khách hàng của chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến Công ty và / hoặc các CKCS hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà đầu tư.

Vietcap không phải là người có liên quan của Ngân hàng lưu ký và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.

X. CÁC CHỨNG QUYỀN BẢO ĐẢM MÀ CÔNG TY ĐÃ PHÁT HÀNH VÀ ĐANG NIÊM YẾT

Các chứng quyền bảo đảm mà Vietcap đã thực hiện phát hành và niêm yết đã được đáo hạn. Vietcap hiện không có chứng quyền bảo đảm đang niêm yết.

XI. CAM KẾT

Vietcap cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này.

XII. PHỤ LỤC

✓ Nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua quyết định chào bán chứng quyền có bảo đảm

Tp. HCM, ngày 14 tháng 11 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

CHỦ TỊCH HĐQT	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
NGUYỄN THANH PHƯỢNG	**TÔ HẢI**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
MAI THỊ THANH TRANG	**ĐOÀN TRẦN PHƯƠNG THẢO**

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ

M.S.C.N: 0100150619-079 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM -CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Đoàn Nhật Quang

Vietcap

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 14 Tháng 11 Năm 2024

Số: 16 /2024/NQ-HĐQT.VIETCAP

TPHCM, ngày 22 tháng 08 năm 2024

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

(Về việc: điều chỉnh Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 12/03/2024 và Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 29/05/2024 của Hội đồng Quản trị)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- *Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ.VCSC về việc phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm ngày 22/04/2019;*
- *Căn cứ vào Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 12/03/2024 về việc phát hành và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm ("Nghị Quyết số 04");*
- *Căn cứ vào Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 29/05/2024 về việc điều chỉnh nội dung tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết HĐQT số 04/2020/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 12/03/2024 về việc phát hành, niêm yết và chào bán các loại chứng quyền có bảo đảm ("Nghị Quyết số 06");*
- *Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị vào ngày 22/08/2024;*
- *Căn cứ theo tình hình triển khai thực tế và nâng cao hiệu quả của đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc điều chỉnh nội dung tại Phụ lục đính kèm các Nghị Quyết số 04 và Nghị Quyết số 06 như sau:

- Nội dung Phụ lục sau khi điều chỉnh: *Được đính kèm Nghị quyết này.*
- Các nội dung khác của Nghị quyết số 04 và Nghị quyết số 06 không thay đổi và vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 2: Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban có liên quan của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 4 bản gốc có giá trị thực hiện như nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Đoàn Diệu Tú Quỳnh
Giám Đốc Nhân Sự

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Nguyễn Thanh Phượng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở FPT

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 7

Tên chứng quyền:	Chứng quyền FPT/VIETCAP/M/Au/T/A7
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty cổ phần FPT (FPT)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty cổ phần FPT
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	8:1 (8 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở HDB

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 2

Tên chứng quyền:	Chứng quyền HDB/VIETCAP/M/Au/T/A2
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HDB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MSN

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 7

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MSN/VIETCAP/M/Au/T/A7
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	4:1 (4 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MWG

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 9

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MWG/VIETCAP/M/Au/T/A9
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	3:1 (3 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VIC

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 3

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VIC/VIETCAP/M/Au/T/A3
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (VIC)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	3:1 (3 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VJC

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 1

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VJC/VIETCAP/M/Au/T/A1
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (VJC)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	6:1 (6 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VNM

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 5

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VNM/VIETCAP/M/Au/T/A5
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	4:1 (4 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VPB

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 7

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VPB/VIETCAP/M/Au/T/A7
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VRE

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 4

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VRE/VIETCAP/M/Au/T/A4
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Vincom Retail
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở ACB

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 4

Tên chứng quyền:	Chứng quyền ACB/VIETCAP/M/Au/T/A4
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở HPG

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 7

Tên chứng quyền:	Chứng quyền HPG/VIETCAP/M/Au/T/A7
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MBB

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 6

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MBB/VIETCAP/M/Au/T/A6
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở STB

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 6

Tên chứng quyền:	Chứng quyền STB/VIETCAP/M/Au/T/A6
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở TCB

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 6

Tên chứng quyền:	Chứng quyền TCB/VIETCAP/M/Au/T/A6
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (TCB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở TPB

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 3

Tên chứng quyền:	Chứng quyền TPB/VIETCAP/M/Au/T/A3
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VIB

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 3

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VIB/VIETCAP/M/Au/T/A3
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VHM

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 4

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VHM/VIETCAP/M/Au/T/A4
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Vinhomes
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

Vietcap

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở POW

Đợt phát hành năm 2024 (Series) - 3

Tên chứng quyền:	Chứng quyền POW/VIETCAP/M/Au/T/A3
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (POW)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP
Loại chứng quyền (mua/bán):	Mua
Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ):	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Tiền mặt – đồng
Thời hạn:	06 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.
Giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 8.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	5.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 5.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng
Phương thức phát hành:	Phát hành chứng quyền ra công chúng

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 14 Tháng 11 Năm 2024

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
Về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán

Số: 03/2019/TT/BIDVHTH-VCSC

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT
(TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM)

VÀ

NGÂN HÀNG TMCP ĐT&PT VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA
(NGÂN HÀNG LƯU KÝ)

S.Q.Đ: 68 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Đoàn Diệu Tú Quỳnh
Giám Đốc Nhân Sự

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
Về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán

Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán ("**Hợp Đồng**") được ký kết vào ngày 05 tháng 7 năm 2019 bởi và giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Giấy phép thành lập số: 68/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp ngày 06/11/2007.

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 3914 3588 Fax: (028) 3914 3209

Đại diện : Ông Đinh Quang Hoàn Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Theo giấy ủy quyền

(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**" hoặc "" hoặc "**Tổ Chức Phát Hành chứng quyền**")

Và

BÊN B: NGÂN HÀNG TMCP ĐT&PT VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Giấy phép HĐLK: Quyết định số 106/QĐ-UBCK do Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003

Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 38218812 Fax: 028 38218813

Đại diện: Chức vụ: **Phó Giám đốc làm đại diện**

Theo giấy ủy quyền số 917/QĐ-BIDV về việc uỷ quyền ký và tổ chức thực hiện các hợp đồng, văn bản có liên quan đến hoạt động đại lý lưu ký, ngân hàng giám sát, thanh toán bù trừ và kinh doanh chứng khoán tại Chi nhánh do Người đại diện theo pháp luật của BIDV ký ngày 27 tháng 11 năm 2018.

(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**" hoặc "**BIDV – Nam Kỳ Khởi Nghĩa**" hoặc "**Ngân hàng lưu ký**")

XÉT RẰNG:

(a) Bên A là Công ty Chứng khoán có chức năng phát hành chứng quyền có bảo đảm theo quy định của Pháp luật Việt Nam, và mong muốn hợp tác một Ngân hàng có chức năng lưu ký, quản lý tài sản kỹ quỹ cho Bên A;

(b) Bên B là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam, có giấy phép hoạt động lưu ký do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp sẵn sang hợp tác để cung cấp các dịch vụ đáp ứng yêu cầu của Bên A phù hợp theo quy định của Pháp luật;

hợp tác để cung cấp các dịch vụ đáp ứng yêu cầu của Bên A phù hợp theo quy định của Pháp luật;

NAY, VÌ VẬY, Các Bên đồng ý ký kết **"Hợp Đồng"** này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Trong phạm vi **"Hợp Đồng"** này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

- **"Người Sở Hữu Chứng Quyền"** là nhà đầu tư bao gồm các cá nhân, tổ chức sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ Chức Phát Hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **"Tài sản bảo đảm"** là tiền gửi hoặc chứng chỉ tiền gửi của Bên A ký quỹ tại Bên B hoặc Thư bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký. Tài sản bảo đảm này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của Bên A hay của bất của bên thứ ba khác.
- **"Danh sách Người Sở Hữu Chứng Quyền"** là danh sách do **Tổ chức phát hành chứng quyền** gửi cho Ngân hàng lưu ký có đầy đủ thông tin của **Người Sở Hữu Chứng Quyền.**
- **"Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm"** là hợp đồng được hai Bên ký kết sau khi Bên A được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cho từng đợt Phát hành chứng quyền.

2. MỤC ĐÍCH VÀ THỜI HẠN KÝ QUỸ

a) Mục đích: Ký quỹ đảm bảo khả năng thanh toán/Bảo lãnh đảm bảo khả năng thanh toán cho từng đợt Phát hành chứng quyền của Bên A.

b) Thời hạn ký quỹ, số tiền ký quỹ và hình thức ký quỹ sẽ được quy định cụ thể tại Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm giữa Bên A và Bên B sau khi Bên A được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cho từng đợt Phát hành chứng quyền.

3. PHÍ DỊCH VỤ

Phí dịch vụ, cách tính và thời hạn thanh toán sẽ được hai Bên quy định cụ thể tại từng Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm giữa hai Bên.

4. CAM KẾT CỦA BÊN A

a) Thực hiện ký quỹ Tài sản đảm bảo để bảo đảm khả năng thanh toán cho từng đợt phát hành chứng quyền theo quy định của pháp luật;

b) Khi có sự thay đổi bất kỳ liên quan đến giá trị Tài sản đảm bảo của Bên A, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B để thực hiện nghĩa vụ báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan;

c) Thực hiện ký quỹ bổ sung để đáp ứng tỷ lệ ký quỹ tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện chứng quyền bằng tài sản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền khi Tổ chức phát hành chứng quyền thực hiện sử dụng chính Tài sản bảo đảm để chi trả cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;

e) Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm và quy định của pháp luật.

5. CAM KẾT CỦA BÊN B

a) Tiếp nhận đầy đủ, kịp thời việc quản lý Tài sản bảo đảm cho Bên A khi Bên A có yêu cầu;

b) Bên B thực hiện phong toả/giải tỏa tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản của Bên A/Hợp đồng tiền gửi/Chứng chỉ tiền gửi theo từng thời điểm của Bên A gửi tại Bên B phù hợp với Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm và quy định của pháp luật;

c) Lưu giữ bản gốc Hợp đồng tiền/Chứng chỉ tiền gửi và/hoặc các văn bản có liên quan đến Hợp đồng tiền/Chứng chỉ tiền gửi của Bên A;

d) Quản lý tách biệt Tài sản bảo đảm với tài sản khác của Bên A, và các tài sản khác của Bên B;

e) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền của Bên A;

f) Xác nhận báo cáo do Bên A lập có liên quan đến Tài sản đảm bảo;

g) Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm và quy định của pháp luật.

6. LUẬT ÁP DỤNG, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

a) Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

b) Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng này sẽ được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa hai Bên. Trường hợp không thương lượng được, các Bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp.

7. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

a) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi hai Bên có văn bản được ký tên, đóng dấu hợp lệ về việc chấm dứt hiệu lực Hợp đồng này.

b) Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được cả hai Bên đồng ý và lập thành văn bản do đại diện có thẩm quyền của các Bên ký, đóng dấu. Những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các điều khoản tương ứng trong Hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

c) Hợp đồng này được lập làm 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
ĐINH QUANG HOÀN	PHÓ GIÁM ĐỐC
Phó Tổng Giám Đốc	Hoàng Văn Sơn